

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**PHÂN BÓN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 346 /CBTT-PBMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

- Mã chứng khoán: SFG

- Địa chỉ: Số 125B Cách mạng tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 02838.325.889 Fax: 02838.322.807

- E-mail: congty@phanbonmiennam.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: “Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam”

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/03/2023 tại đường dẫn <http://www.phanbonmiennam.com.vn/co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên 2022.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

**Người được ủy quyền**  
**công bố thông tin**



**Nguyễn Hồng Trường**

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

*Nâng tầm nông sản Việt*



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN** **20  
22**

125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3832 5889 – 3839 3931

Fax: (028) 3832 2807/ (Hot line: 1900555546)

Website: [phanbonmiennam.com.vn](http://phanbonmiennam.com.vn)

# Mục lục

STT	Nội dung	Trang	STT	Nội dung	Trang
<b>1</b>	<b>Thông tin chung</b> Thông tin khái quát Cột mốc thời gian Các giải thưởng Ngành nghề, địa bàn kinh doanh Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý Định hướng phát triển Rủi ro trong quá trình hoạt động	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	<b>65</b>
<b>2</b>	<b>Tình hình hoạt động trong năm</b> Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổ chức và nhân sự Tình hình đầu tư thực hiện các dự án Tình hình tài chính Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	<b>23</b>	<b>5</b>	<b>Quản trị công ty</b> Hoạt động của Hội đồng quản trị Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị Hoạt động của Ban kiểm soát Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	<b>69</b>
<b>3</b>	<b>Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám đốc</b> Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tình hình tài chính Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý Kế hoạch phát triển trong tương lai Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	<b>53</b>	<b>6</b>	<b>Báo cáo tài chính</b> Ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính được kiểm toán	<b>81</b>

# 01

## Thông tin chung

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tựu đạt được

Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

## Thông tin khái quát



**Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

**Tên Giao dịch:** Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/09/202010, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 22/10/2021

**Trụ sở chính:** 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**Vốn điều lệ:** 478.973.330.000 đồng

**Điện thoại:** (028) 3832 5889 – 3839 3931

**Fax:** (028) 3832 2807

**Email:** [congty@phanbonmiennam.com.vn](mailto:congty@phanbonmiennam.com.vn)

**Website:** <https://phanbonmiennam.com.vn/>

**Mã cổ phiếu:** SFG

## Lịch sử hình thành và phát triển

**1976**

Công ty Phân bón Miền Nam (nay là Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam) được thành lập theo Quyết định số 426/ HC-TC ngày 19/04/1976 của Tổng cục Hóa chất Việt Nam.

**2010**

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã chính thức chuyển đổi hình thức quản lý sản xuất kinh doanh sau 34 năm thành lập sang hoạt động mô hình cổ phần hóa chính thức từ ngày 01/10/2010.

**2014**

Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

**2021**

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tổ chức ngày kỷ niệm 45 năm thành lập Công ty (19/04/1976 - 19/04/2021).

**2022**

Sau thời kỳ đại dịch Covid - 19 căng thẳng, Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt các cơ hội từ nền kinh tế đang dần hồi phục

# Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

## Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất phân bón các loại : Supe Lân, NPK, phân bón lá Yogen.... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Supe Lân, NPK, phân bón lá Yogen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE;
- Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh khai thác cảng biển.

## Địa bàn kinh doanh

- Trong nước: Công ty chủ yếu tập trung ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên và một số tỉnh miền Bắc.
- Nước ngoài: Hàn Quốc, Phillipines, Malaysia, Campuchia, Lào, Myanmar, Ghana...



## Sản phẩm chính



Phân bón Miền Nam  
NPK 20 - 20 - 15 + TE  
Dạng 1 hạt



Phân bón Miền Nam  
BÔNG LÚA NĂNG SUẤT VÀNG



Phân bón Miền Nam  
BÔNG LÚA NỞ BỤI



Phân bón Miền Nam  
Supe Lân Long Thành



Phân bón Miền Nam  
SFJC BIO GOLD G.A.P

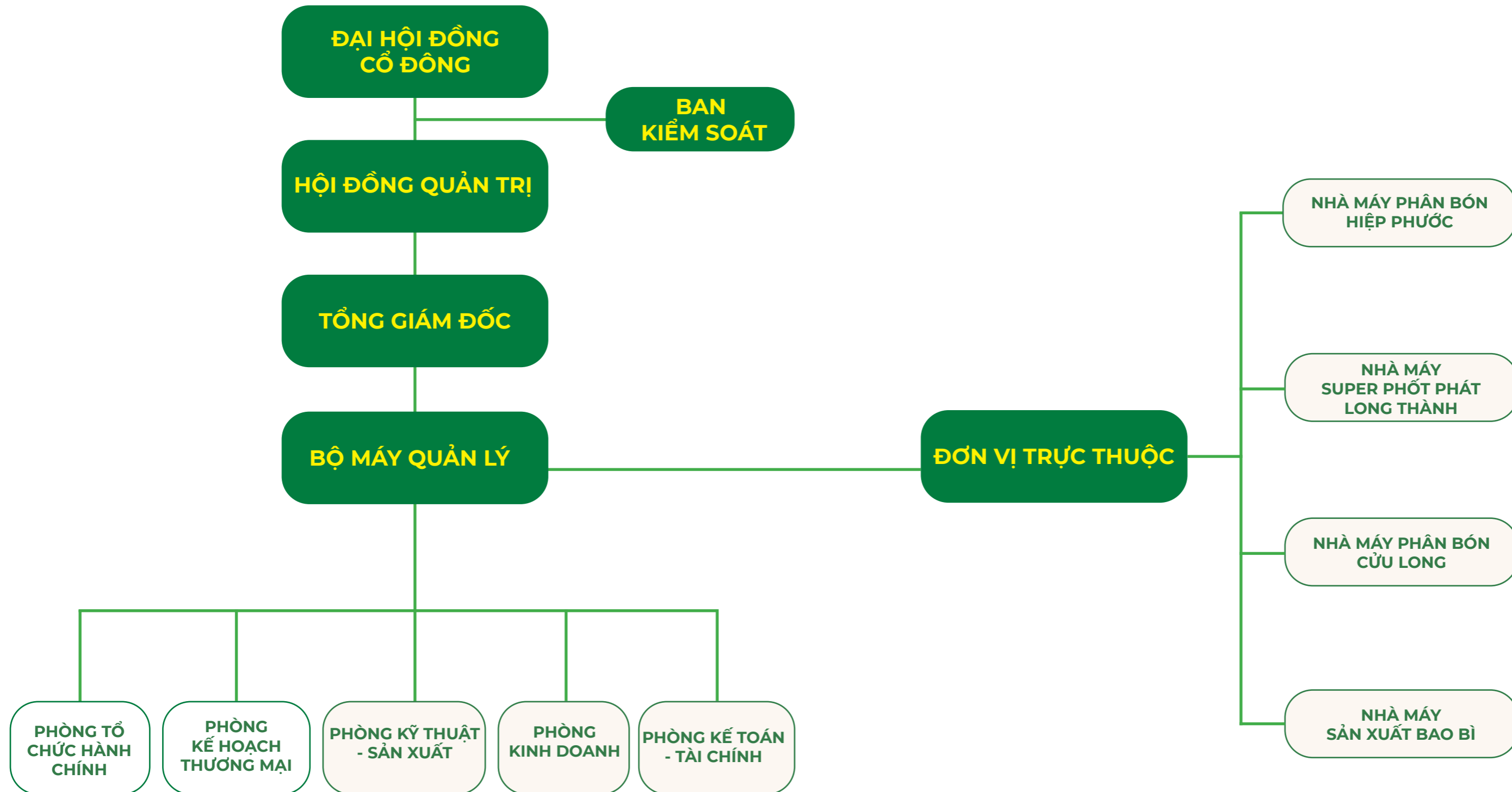


PHÂN BÓN LÁ YOGEN  
Yogen Beta Kali Humate

# Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, SFG lựa chọn mô hình tổ chức:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban điều hành





# Công ty con và Công ty liên kết

## Công ty liên kết

### Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo VINA (Công ty TNHH Hóa chất LG VINA)

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh hóa chất
- Vốn điều lệ: 5.700.000 USD
- Vốn góp của SFG: 1.995.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu: 35%



### Công ty không có Công ty con.



## Các nhà máy trực thuộc

### Nhà máy phân bón Hiệp Phước

Địa chỉ: Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3781 8964

Fax: (028) 3781 8962



### Nhà máy Super Phosphate Long Thành

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu – Long Thành – Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 384 1188 – 382 7068

Fax: (0251) 384 1207

### Nhà máy Phân bón Cửu Long

Địa chỉ: 405, QL1A, P. Tân Hòa, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (0270) 382 2421 – 382 2910

Fax: (0270) 380 0215



### Nhà máy sản xuất bao bì

Địa chỉ: C1/3 Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3875 0242

Fax: (028) 3875 0242

# Định hướng phát triển

## Các mục tiêu chủ yếu

Mục tiêu của Công ty là sản xuất ra những sản phẩm chất lượng, thân thiện với môi trường, phục vụ nền nông nghiệp, góp phần nâng tầm nông sản Việt. Công ty tiếp tục mở rộng thị phần nhằm mang lại việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi ích cho các cổ đông.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm đa dạng về chủng loại, mẫu mã đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Củng cố và phát triển thị trường trong nước là ưu tiên hàng đầu để nâng cao thị phần, chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Nâng cao năng lực quản trị trong công tác điều hành, áp dụng công nghệ trong quản lý, duy trì, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

## Phát triển bền vững với môi trường và xã hội

Ngoài mục tiêu chủ yếu là đem lại những sản phẩm chất lượng nhất và lợi ích tối đa cho các cổ đông, Ban lãnh đạo Công ty cũng luôn chú ý đến các hoạt động của mình sẽ tác động thế nào lên môi trường và xã hội. Công ty đã nghiên cứu và phát triển những sản phẩm hữu cơ thân thiện với môi trường, nhằm phục vụ nền nông nghiệp theo định hướng của Chính phủ. Với mục tiêu là phát triển bền vững với môi trường thì Công ty đã sản xuất các sản phẩm hữu cơ, thân thiện với môi trường nhằm không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường xung quanh.



# Rủi ro trong quá trình hoạt động

## Rủi ro kinh tế

Trong năm 2022, nền kinh tế toàn cầu đã đối mặt với tình trạng khủng hoảng năng lượng do chiến tranh giữa Nga – Ukraine, cùng với giá các loại mặt hàng tăng cao khiến cho lạm phát toàn cầu tăng phi mã. Tháng 6 năm 2022, lạm phát tại Mỹ là 9,1% khiến cho quốc gia này bắt đầu chính sách thắt chặt tiền tệ bằng cách tăng lãi suất đồng USD, khiến cho tỷ giá tăng cao, gây khó khăn cho các nước xuất khẩu và các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam.

Khi tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước có sự biến động, thì an ninh lương thực càng đặc biệt được chú trọng hơn. Điều này tạo động lực cho ngành nông nghiệp cũng như các ngành phụ trợ cho nông nghiệp phát triển. Tuy nhiên, việc thiếu hụt nguồn cung đầu vào và gia tăng chi phí nguyên vật liệu do các nguồn cung lớn trên thế giới như Nga, Trung Quốc hạn chế xuất khẩu phân bón lại là một phần gây khó khăn cho Công ty trong hoạt động kinh doanh.

Đứng trước tình hình khó khăn trên, Công ty hết sức chú trọng trong việc cân bằng giữa chi phí đầu vào với giá bán đầu ra, tạo chuỗi cung ứng sản phẩm, nhằm phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.

## Rủi ro tiền tệ

Kinh tế năm 2022 của Hoa Kỳ đã chứng kiến tình trạng lạm phát tăng cao chưa từng có trong 40 năm vừa qua. Để ngăn chặn tình trạng trên, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định tăng lãi suất cơ bản từ 0,25% lên 4,5%. Bên cạnh FED, các Ngân hàng Trung ương trên thế giới, trong đó có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Với việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất cơ bản vào cuối năm, lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn đã trở về mức ngang bằng với thời điểm trước khi xảy ra dịch bệnh. Điều này đã tác động lên hầu hết Ngân hàng thương mại trong nước, khi họ cũng đã bắt đầu tăng lãi suất huy động và cho vay. Việc tăng lãi suất và tỷ giá đã gây sức ép lên chi phí tài chính cho hoạt động kinh doanh của Công ty, gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

## Rủi ro chi phí nguyên vật liệu

Đầu năm 2022, ngành phân bón được hưởng lợi do chiến tranh giữa Nga – Ukraine đẩy giá các nguyên liệu đầu vào tăng cao, trong đó có giá khí (nguyên liệu để làm giàu ure và DAP) khiến cho giá bán phân bón tăng cao. Việc Nga đã ra các chính sách về việc cấm xuất khẩu phân bón khiến cho giá phân bón và các nguyên liệu để sản xuất phân bón như Natri, Kali, Phốt pho, Lưu huỳnh,... tăng lên, cũng như làm hạn chế nguồn cung cấp các nguyên liệu sản xuất, gây khó khăn cho việc tìm kiếm nguồn hàng để sản xuất phân bón cho thế giới nói chung và Công ty nói riêng.

Tuy nhiên đến cuối năm 2022, giá phân bón có phần hạ nhiệt, mặt bằng giá phân ure trong nước đã giảm, bởi ảnh hưởng từ giá phân ure thế giới giảm. Các rủi ro trên khiến cho giá bán của Công ty bị tác động, từ đó khiến cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng. Công ty cần phải bám sát tình hình diễn biến của thị trường để phòng ngừa rủi ro từ giá nguyên liệu biến động theo chiều hướng giảm.

## Rủi ro thị trường thị đầu ra

Các rủi ro đến từ các ảnh hưởng từ khí hậu, thời tiết, diện tích canh tác cây trồng cũng sẽ gây tác động đến tiêu thụ đầu ra của Công ty. Hiện nay, tình hình thời tiết cũng như xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, gây khó khăn trong hoạt động canh tác, trồng trọt trong nông và lâm nghiệp, từ đó có thể khiến cho nhu cầu sử dụng phân bón bị giảm, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn phải đối mặt với sự cạnh tranh của các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón cùng ngành, với nhiều chính sách bán hàng khác nhau. Do đó, Công ty cần phải theo dõi dự báo nhu cầu sử dụng phân bón của các cơ quan hữu quan để đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, để tiêu thụ sản phẩm.



## Rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

### Rủi ro thời tiết, dịch bệnh

Là một trong những mắt xích nằm ở đầu chuỗi giá trị ngành nông nghiệp, ngành phân bón hỗ trợ cho ngành nông nghiệp phát triển. Ngành nông nghiệp đặc thù bị phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, và bị tác động nhiều bởi dịch bệnh. Nên có thể nói, khi khí hậu, thời tiết thay đổi cũng gây tác động đến nhu cầu sử dụng phân bón. Năm 2022 là một năm có khí hậu tương đối ổn định cho ngành nông nghiệp, đặc biệt là ngành trồng trọt nâng cao năng suất. Từ đó, nhu cầu sử dụng phân bón tăng lên.

Tuy nhiên, tình hình thời tiết luôn thay đổi qua các năm. Vì vậy Công ty cần hết sức chú trọng công tác theo dõi dự báo biến động thời tiết, để có kế hoạch kinh doanh thích hợp.

### Rủi ro pháp luật

Với mô hình hoạt động là Công ty cổ phần được niêm yết trên sàn HOSE, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế Giá trị gia tăng Luật Lao động,... Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang dần hoàn thiện nên Công ty cần có sự thay đổi về chính sách để phù hợp hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn. Do đó, Công ty cần theo dõi và cập nhật thường xuyên các thay đổi về luật nhằm đưa ra những mục tiêu, hành động phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty.

### Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, động đất, bão lụt,... cũng là vấn đề mà Công ty lo ngại. Tuy những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng một khi xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là rủi ro hỏa hoạn gây thiệt hại về người và tài sản. Do đó, Công ty cần phổ cập kiến thức về phòng cháy chữa cháy cho các cán bộ, công nhân viên và người lao động. Đồng thời Công ty cũng cần phản lên những kế hoạch nhằm ứng phó với các trường hợp khác nhằm có thể giảm thiểu thiệt hại, đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn.



# 02

## Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

# Tình hình hoạt động trong năm

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	TH năm 2022 so với năm 2021 (%)
<b>Sản phẩm chủ yếu sản xuất</b>				
Supe Lân các loại	Tấn	116.657	100.538	86,18%
Phân bón NPK các loại	Tấn	106.935	80.550	75,33%
Axit Sunphuric (H2SO4) tổng số	Tấn	94.606	83.214	87,96%
Bao bì	Cái	9.534.972	6.158.835	64,59%
Phân bón lá YOGEN	Tấn	120,2	31,7	26,62%
<b>Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ</b>				
Supe Lân các loại	Tấn	104.962	58.413	55,65%
Phân bón NPK	Tấn	119.729	85.449	71,37%
KD nguyên liệu	Tấn	96.754	48.084	49,70%
Axit Sunphuric (H2SO4) thương phẩm	Tấn	57.558	49.744	86,42%
Bao bì	Cái	9.545.935	6.152.696	64,45%
Phân bón lá YOGEN	Tấn	106,9	29,5	28,06%
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Triệu đồng	2.117.795	2.022.707	95,51%
<b>Xuất khẩu</b>				
Tổng kim ngạch xuất khẩu	USD	15.420.327	17.190.846	111,48%
Số lượng SP xuất khẩu	Tấn	45.604	30.247	66,33%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	43.045	55.031	127,85%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	36.596	45.031	123,05%
<b>Cổ tức</b>	%	2%	(*)	-

(\*) Cổ tức năm 2022 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty.

## Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2021	Giá trị năm 2022	%Năm 2022/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.117.795	2.022.707	95,51%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.118)	(14.191)	174,81%
Doanh thu hoạt động tài chính	10.347	35.966	347,60%
Lợi nhuận khác	5.953	(1.614)	-
Tổng doanh thu	2.125.977	2.042.868	96,09%

## Nhận xét tình hình hoạt động kinh doanh 2022

Năm 2022, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 95,51% so với năm 2021, tuy nhiên Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 127,85% so với năm 2021, tương ứng với mức 55.031 triệu đồng. Nguyên nhân là do nhu cầu thị trường tăng, nhưng nguồn cung hạn chế. Mặt khác, Công ty đã có kế hoạch dự trữ nguyên liệu để phục vụ nhu cầu sản xuất với giá mua hàng tồn kho thấp hơn so với mặt bằng chung trên thị trường. Đây là nguyên nhân chính giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả. Nhìn chung, năm 2022, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được đặt ra, Lợi nhuận của Công ty đã đạt được mức 55 tỷ đồng vào năm 2022, cao nhất kể từ năm 2019 đến nay.



*Ổn định sản xuất - vượt khó thành công*

## Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	61.935	0,129%
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	3.049	0,006%
4	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	0	0
5	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	0	0

### Lý lịch Hội đồng quản trị

#### Ông Nguyễn Văn Quý - Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Ngày sinh:** 18/7/1965

**Trình độ:** Kỹ sư Hoá

**Chức vụ hiện tại:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Số cổ phần năm sở hữu cá nhân:** Không có

**Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

#### Quá trình công tác:

- 1983 – 1991: Tổ trưởng sản xuất tại Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
- 1992 – 2000: Phó Bí thư, Bí thư Đoàn Thanh Niên tại Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
- 2002 – 2008: Chánh văn phòng tại Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
- 2011 – 2019: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 2018 – Nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2020 – Nay: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

**Ghi chú:** Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ 11.999.879 cổ phần, chiếm 25,053% vốn điều lệ.



#### Ông Đặng Tấn Thành - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

**Ngày sinh:** 02/08/1963

**Trình độ:** Thạc sỹ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

**Số cổ phần năm sở hữu cá nhân:** 61.935 cổ phiếu

**Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hoá chất chất hoá dẻo VINA

#### Quá trình công tác:

- 1981 – 1993: Công nhân Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam.
- 1993 – 2004: Nhân viên Tiếp thị - Bán hàng Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 2005 – 2008: Phụ trách tiếp thị - Ban hàng tại Xí nghiệp Phân bón Cửu Long thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
- 2008 – 2010: Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 2013 – 2015: Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2018 – 2019: Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2019 – Nay: Bí thư Đảng ủy Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tại Công ty CP Phân bón Miền Nam, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hóa chất chất hóa dẻo VINA

**Ghi chú:** Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ 9.579.467 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ.

## Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

### Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

#### Ông Trịnh Quốc Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

**Ngày sinh:** 07/01/1974

**Trình độ:** Cử nhân khoa học – Ngành Quản trị Kinh doanh

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên HĐQT

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 3.049 cổ phiếu

**Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Không có

#### Quá trình công tác:

- 1995 – 1997: Nhân viên y tế dự phòng tại Bệnh viện Bá Thước, xã Lâm Xa, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
- 2005 – 2012: Nhân viên phòng Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2013 - 2014: Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam
- 2014 – 2017: Đảng ủy viên, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2018 – 2020: Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, ủy viên ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính tại Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 2020 – Nay: Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính tại Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 2021 – Nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

**Ghi chú:** Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ 9.579.467 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ.

#### Ông Ngô Ngọc Quang - Thành viên Hội đồng quản trị

**Ngày sinh:** 02/03/1979

**Trình độ:** Cử nhân

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên HĐQT

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** Không có

**Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:**

- Thành viên HĐQT Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

#### Quá trình công tác:

- 2002 – 2005: Cán bộ tín dụng - Chuyên viên Tín dụng doanh nghiệp tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 2007 – 2008: Phó phòng phụ trách phòng Đầu tư Dự án tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 2009 – 2012: Trưởng phòng Đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 2012 – 2013: Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Tây - WTB
- 2013 – Nay: Thành viên HĐQT tại Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 2021 – Nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam



## Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

### Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

#### Ông Hà Thái Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị

**Ngày sinh:** 15/10/1971

**Trình độ:** Tiến sĩ Kinh tế, Thạc sĩ Cơ khí

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên HĐQT

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** Không có

**Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Không có

#### Quá trình công tác:

- 2000 – 2002: Chuyên viên, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2002 – 2004: Phó phòng Kinh doanh Bảo hiểm 1, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 2005 – 2007: Trưởng phòng Điều phối Giao nhận, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí
- 2010 – 2013: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thành phố. Hồ Chí Minh. Bí thư Chi bộ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 2014 – 2018: Kinh doanh, đầu tư tự do
- 2018 – 2020: Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2020 – Nay: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty; Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam

### Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ tại Công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ	Lý do
Lê Việt Hưng	Thành viên HĐQT	09/05/2015	29/04/2022	Miễn nhiệm
Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	29/04/2022		



## Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

### Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban kiểm soát	3	0
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	7	0

### Lý lịch Ban kiểm soát

#### Ông Phạm Đức Hoài - Trưởng Ban kiểm soát

**Ngày sinh:** 10/02/1963

**Trình độ:** Cử nhân Kế toán

**Chức vụ hiện tại:** Trưởng Ban kiểm soát

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 3 cổ phiếu

**Quá trình công tác:**

- 1992 – 2009: Chuyên viên phòng Kế toán - Tài chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2009 – 2016: Phó phòng Kế toán - Tài chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2016 – Nay: Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam



#### Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng - Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh:** 06/06/1977

**Trình độ:** Cử nhân Tài chính - Kế toán

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban kiểm soát

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 7 cổ phiếu

**Quá trình công tác:**

- 2003 – 2011: Nhân viên phòng Kế toán Nhà máy Phân bón Hiệp Phước tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2013 – 2020: Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng, chuyên viên Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính, Ủy viên Ban Chấp Hành Công đoàn Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2020 – Nay: Chi ủy viên chi bộ Văn phòng- Bao Bì. Ủy viên ban chấp hành Công đoàn, chuyên viên Phòng tổ chức Hành chính Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

#### Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh:** 13/10/1978

**Trình độ:** Cử nhân Kế toán

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban kiểm soát

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** Không có

**Quá trình công tác:**

- 2005 – 2010: Trợ lý, kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- 2010 – 2013: Kế toán tổng hợp tại Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
- 2014 – 2019: Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 2016 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2019 - Nay: Phó Trưởng phòng Quản lý tài chính dự án thuộc Ban Tài chính Kế toán tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

### Thay đổi trong Ban kiểm soát

Không có thay đổi nào trong Ban kiểm soát trong năm 2022.

## Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

### Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	61.935	0,129%
2	Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Đỗ Văn Tuấn	Kế Toán Trưởng	5	0

### Lý lịch Ban điều hành

#### Ông Đặng Tấn Thành

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị

#### Ông Đỗ Văn Tuấn

**Ngày sinh:** 12/07/1978

**Trình độ:** Cử nhân Kinh tế - Ngành Tin học Kinh tế, Kế toán Kiểm toán

**Chức vụ hiện tại:** Kế toán trưởng

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 5 cổ phiếu

#### Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 02/2004: Nhân viên của Công ty TNHH Ứng dụng và Phát triển phần mềm tin học - Chi nhánh Tp.HCM tại số 97 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ 3/2004 – 6/2011: Chuyên viên Phòng Kế toán Tài chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
- Từ 7/2011 – 01/2016: Trưởng phòng kế toán Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam - Nhà máy Phân bón Hiệp Phước Miền Nam
- Từ 02/2016 – 7/2016: Phó phòng Phụ trách phòng Kế toán Tài chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- Từ 8/2016 - 5/2018: Trưởng phòng Kế toán Tài chính
- Từ 6/2018 – đến nay: Kế Toán Trưởng Công ty

#### Ông Vũ Minh Tuấn

**Ngày sinh:** 02/08/1963

**Trình độ:** Thạc sỹ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh

**Chức vụ hiện tại:** Phó Tổng Giám đốc

**Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** Không có

#### Quá trình công tác:

- 1981 – 1993: Công nhân Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 1996 – 2000: Trưởng ca sản xuất Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 2005 – 2008: Quản đốc phân xưởng Super Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 2008 – 2013: Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 2013 – 2017: Phó Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2019 – 2020: Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 2021 – Nay: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Bí thư Chi bộ, Giám đốc nhà máy Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

### Thay đổi trong Ban điều hành

Không có thay đổi nào trong Ban điều hành trong năm 2022.

## Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

### Số lượng cán bộ, nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Số lượng ( người )	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>768</b>	<b>100%</b>
Trên Đại học	11	1,62%
Đại học, Cao đẳng	118	17,40%
Trung cấp, sơ cấp	24	3,54%
Công nhân kỹ thuật	127	18,73%
Lao động phổ thông	488	58,70%
<b>Theo thời hạn Hợp đồng lao động</b>	<b>768</b>	<b>100%</b>
Ngắn hạn (dưới 1 năm)	237	54,57%
Xác định thời hạn	161	23,75%
Không xác định thời hạn	370	21,68%
<b>Theo giới tính</b>	<b>768</b>	<b>100%</b>
Nam	665	84,81%
Nữ	103	15,19%

### Chính sách đối với Người lao động

#### Đào tạo

Định kỳ, Công ty tổ chức các buổi huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng theo đặc thù từng nhóm công việc. Các buổi đào tạo được xây dựng trên cơ sở đảm bảo theo đúng quy chế Công ty ban hành. Qua các buổi đào tạo, người lao động sẽ có cơ hội mở rộng kiến thức, kỹ năng. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức các hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm về nông nghiệp cho các cá nhân trong Công ty và xã hội.

#### Tuyển dụng

Công tác tuyển dụng nhân sự là một công tác quan trọng quyết định chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Chính vì vậy, Công ty xây dựng quy chế tuyển dụng chặt chẽ và phù hợp. Kết quả tuyển dụng đảm bảo minh bạch, công bằng, giúp Công ty tìm kiếm và phát triển đội ngũ cán bộ có năng lực đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động	690	687	678
Thu nhập bình quân(đồng/ Người/ tháng)	7.454.000	11.858.000	13.368.000



#### Lương , thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Công ty xây dựng các chính sách chi trả lương, thưởng phù hợp với từng vị trí làm việc, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước và quyền lợi đối với người lao động. Định kỳ, Công ty sẽ xem xét và tiến hành họp để ra quyết định tăng lương cho người lao động. Bên cạnh đó, người lao động được Công ty cung cấp bữa ăn trong thời gian lao động và Công ty luôn đảm bảo an toàn lao động cho từng cá nhân trong Công ty.

#### Môi trường làm việc

Công ty luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, đảm bảo đủ 8 tiếng/ ngày. Công ty luôn chú ý và hoàn thiện tốt các yếu tố như thời gian làm việc, cơ sở vật chất, mối quan hệ giữa các cá nhân, ... nhằm nâng cao tinh thần và năng suất cho các cán bộ,, nhân viên và người lao động.

## Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

### Các khoản đầu tư lớn

Tên dự án	Địa điểm	Tổng đầu tư (triệu đồng)
<b>Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành</b>	<b>Đồng Nai</b>	
Thùng chứa axit T205A	Đồng Nai	6.014
Tủ cắt điện trung thế 6kV lộ 672	Đồng Nai	454
<b>Nhà máy Phân bón Cửu Long</b>	<b>Vĩnh Long</b>	
Đầu tư sửa chữa nhà kho số 2, 3	Vĩnh Long	4.578
<b>Nhà máy Phân bón Hiệp Phước</b>	<b>Tp. HCM</b>	
Xe ô tô 5 chỗ	Tp. HCM	733
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>Tp. HCM</b>	
Xe ô tô 5 chỗ	Tp. HCM	734

### Công ty liên kết

#### Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo VINA

Trụ sở chính: Phòng 1101, tòa nhà Sunwah, số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ Nhà máy Chất hóa dẻo: Đường số 4, Khu công nghiệp Gò Dầu, Long Thành, Đồng Nai

Điện thoại: (028) 3781 8964

Fax: (028) 3781 8962

Tên Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	Sản xuất và kinh doanh hóa dẻo chủ yếu cho ngành nhựa PVC	1.995.000 USD	35,00%

Công ty không có Công ty con.



## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	1.428,5	1.082,8	75,78%
Doanh thu thuần	2.109,7	2.008,5	95,20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37,1	56,6	152,56%
Lợi nhuận khác	5,9	(1,6)	-
Lợi nhuận trước thuế	43	55	127,91%
Lợi nhuận sau thuế	36,6	45,0	122,95%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2%	(*)	-

(\*) Cổ tức năm 2022 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty.

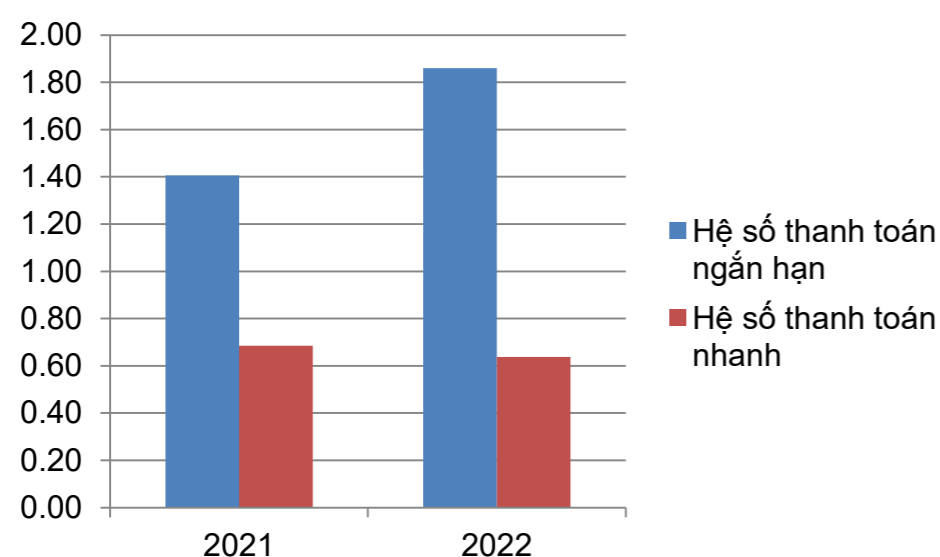
### Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,41	1,86
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,69	0,64
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	59,14	43,21
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	144,75	76,03
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,80	3,16
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,70	1,60
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,73	2,24
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,27	7,32
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,56	4,16
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,76	2,82

# Tình hình tài chính (Tiếp theo)

## Nhận xét các chỉ tiêu tài chính

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



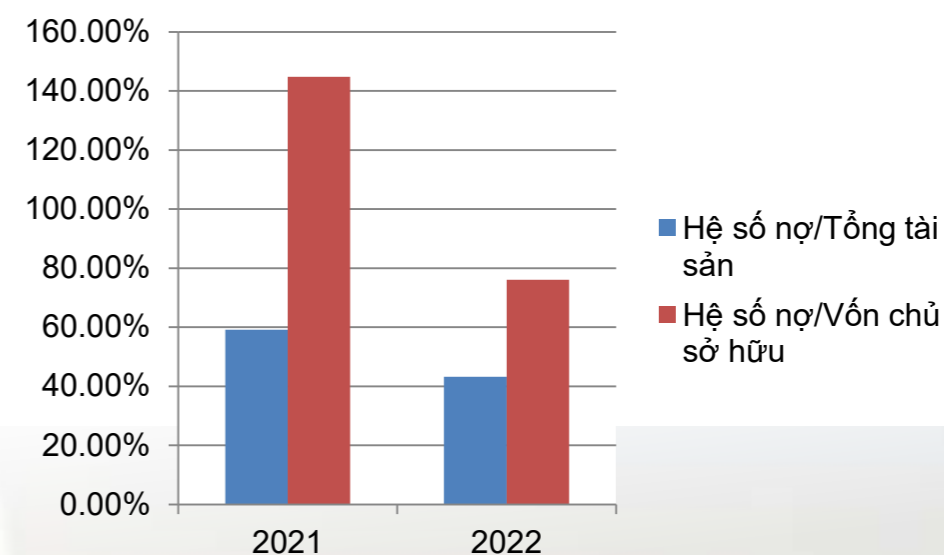
Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đã tăng từ mức 1,41 lần ở năm 2021 lên mức 1,86 lần ở năm 2022. Chủ yếu là do Nợ ngắn hạn của Công ty đã giảm mạnh, từ mức 844 tỷ vào năm 2021 xuống mức 467,3 tỷ vào năm 2022, trong đó Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty là nguyên nhân chính làm giảm Nợ ngắn hạn. Nguyên nhân là do tình hình hoạt động của Công ty ổn định, lượng tiền mặt đủ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và bán hàng nên Công ty đã giảm vay nợ ngân hàng, từ đó làm giảm bớt chi phí tài chính.

Đối với hệ số thanh toán nhanh, hệ số này đã giảm từ mức 0,69 lần ở năm 2021 xuống mức 0,64 lần ở năm 2022. Nguyên nhân là do giá trị Hàng tồn kho đã giảm từ 608,5 tỷ vào năm 2021 xuống mức 571,5 tỷ vào năm 2022.

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2022, Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đã giảm so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã giảm Nợ ngắn hạn như đã phân tích phía trên, Nợ dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ.

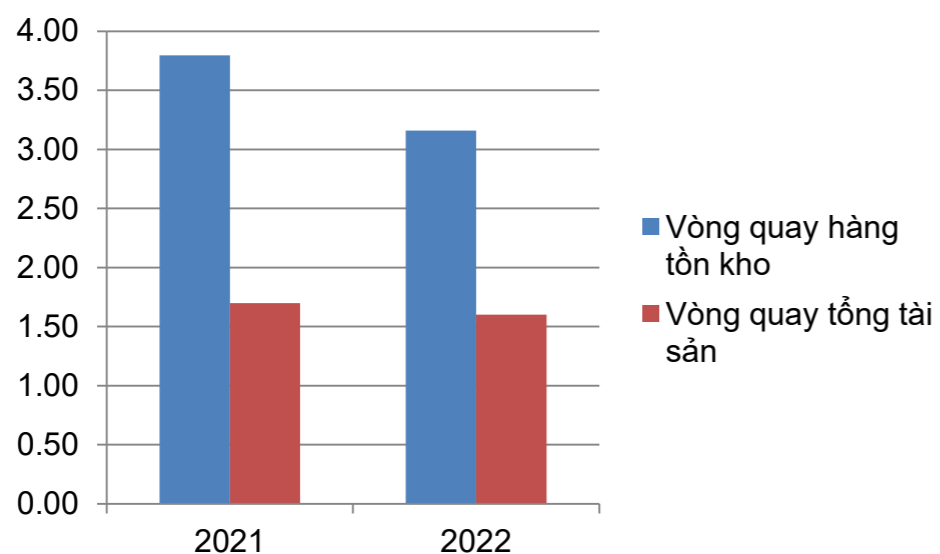
Đáng chú ý nhất là Tổng tài sản của Công ty đã giảm mạnh còn 1.082,5 tỷ ở năm 2022 từ mức 1.428,5 tỷ đồng ở năm 2021, phần giảm chủ yếu là nằm ở Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn, cụ thể là Tiền và các khoản tương đương tiền đã giảm từ 101,7 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 17,6 tỷ đồng vào năm 2022, Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đã giảm khoản 132.2 tỷ đồng vào năm 2022 khi so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là Công ty đã dùng lượng tiền mặt và tiền gửi tiết kiệm để tài trợ cho quá trình hoạt động của Công ty mà không sử dụng đến tiền từ hoạt động vay nợ.



## Tình hình tài chính (Tiếp theo)

### Nhận xét các chỉ tiêu tài chính (tiếp theo)

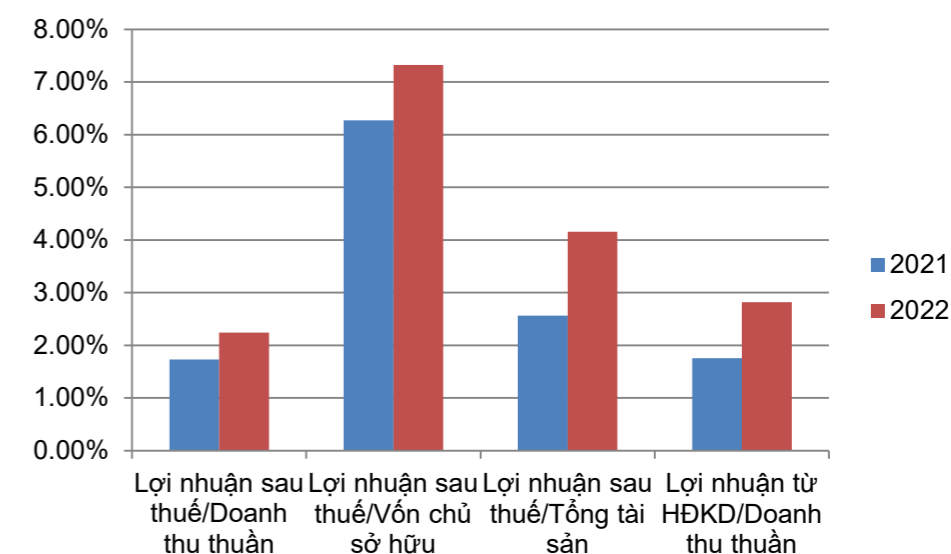
#### Chỉ tiêu năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho của Công ty trong năm 2022 đã giảm so với năm 2021, nguyên nhân là do Lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm từ mức 160,7 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 144,1 tỷ đồng vào năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu là do Doanh thu trong năm 2022 của Công ty đã giảm 101,2 tỷ đồng so với năm 2021, do phải cạnh tranh với các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón cùng ngành.

Vòng quay Tổng tài sản của Công ty giảm trong năm 2022 so với năm 2021 chủ yếu là do Giá vốn hàng bán của Công ty đã giảm từ mức 1.949 tỷ đồng ở năm 2021 xuống mức 1.864,4 tỷ đồng vào năm 2022, do trong năm giá nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh đã giảm nhẹ trong năm 2022.

#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng trong năm 2022 do Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng lên mức 45,03 tỷ đồng từ mức 36,6 tỷ đồng vào năm 2021. Nguyên nhân là do Công ty đã kiểm soát được tốt Chi phí bán hàng, như đã nêu ở trên.



# Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 47.897.330 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 47.897.330 cổ phiếu, trong đó:

- Tự do chuyển nhượng: 47.602.330 cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng: 295.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu



## Danh sách cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước tại ngày 31/03/2022

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Ghi chú
1	Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	31.158.813	65,05%	Cổ đông Nhà nước, Cổ đông lớn
2	Vũ Huy Phương	2.398.924	5,008%	Cổ đông lớn



## Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị ( đồng )	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông nhà nước</b>	<b>31.158.813</b>	<b>311.588.130.000</b>	<b>65,05%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông lớn ( Từ 5% trở lên )</b>	<b>2.398.924</b>	<b>23.989.240.000</b>	<b>5,01%</b>
1	Trong nước	2.398.924	23.989.240.000	5,01%
2	Nước ngoài	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>14.339.596</b>	<b>143.395.960.000</b>	<b>29,94%</b>
1	Trong nước	14.001.725	140.017.250.000	29,23%
2	Nước ngoài	337.871	3.378.710.000	0,71%
<b>IV</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng ( I + II + III + IV )</b>		<b>47.897.333</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>100,00%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

## Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Trong năm 2022 vừa qua, Công ty không phát sinh hoạt động tăng vốn chủ sở hữu. Từ năm 2017 đến năm 2022, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên ở mức 478.973.000.000 đồng.

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh trong năm 2022.

## Các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm 2022.



# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

## Tác động đến môi trường

Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam là một Công ty sử dụng các loại hóa chất để làm ra phân bón và các loại sản phẩm khác phục vụ cho nông nghiệp. Nên Công ty ý thức được những ảnh hưởng xấu của mình nếu không xử lý những chất thải trong quá trình hoạt động ra ngoài môi trường. Công ty đã cho xây dựng hệ thống xử lý chất thải đúng với quy định của cơ quan Nhà nước, thiết kế nhà xưởng, văn phòng tận dụng nguồn năng lượng sáng từ thiên nhiên. Công ty cũng kiểm tra định kỳ và nâng cấp các loại máy móc, thiết bị để xử lý chất thải hiệu quả hơn. Hằng năm, Công ty đều được đánh giá tác động môi trường do cơ quan môi trường Bộ Công thương thực hiện và luôn đạt các yêu cầu về các chỉ tiêu, thông số theo quy định. Ngoài ra, Công ty đã sản xuất ra những sản phẩm phân bón vừa mang lại năng suất cao mà cũng vừa thân thiện với môi trường.



# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty SA, Kali, DAP, Urea, Lưu huỳnh, Apatit,... Các loại nguyên liệu này đều được Công ty lựa chọn từ những đối tác uy tín, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Công ty. Vì là các hóa chất gây ảnh hưởng đến môi trường, nên Công ty luôn cố gắng hạn chế hết mức khả năng bị rơi vãi, hao hụt trong quá trình vận chuyển và sản xuất. Công ty cũng đã nâng cấp máy móc, trang thiết bị và phổ cập kiến thức về tỷ lệ hóa chất nhằm tạo ra được sản phẩm chất lượng và tối ưu hóa chi phí trong quá trình sản xuất.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty không chỉ hoạt động tốt trong lĩnh vực của mình mà còn thể hiện tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương. Công ty đã hỗ trợ, tài trợ cũng như từ thiện cho các hoàn cảnh khó khăn ở xung quanh khu vực. Công ty cũng đã phối hợp với các cơ quan ở địa phương để tổ chức các hoạt động đoàn thể:

- Nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, Công ty đã hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, người lao động không về quê ăn tết số tiền 40 triệu đồng, đi thăm và chúc tết các đơn vị trực thuộc để động viên người lao động yên tâm công tác; đề nghị Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam hỗ trợ 43 phần quà trị giá 43 triệu đồng để thăm hỏi Người lao động;
- Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức ngày hội hiến máu tình nguyện với chủ đề "Giọt hồng VI-NACHEM" theo chương trình hành động chung của Đảng ủy Tập đoàn;
- Hỗ trợ 08 gia đình có hoàn cảnh khó khăn theo thỏa ước lao động tập thể với số tiền 32 triệu đồng;
- Hỗ trợ cho người lao động vay tiền sửa chữa nhà cho 02 người lao động với số tiền 100 triệu đồng;
- Hỗ trợ tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Quảng Trị xây 05 căn nhà tình nghĩa với số tiền 320 triệu đồng; thăm và tặng quà cho khu di tích thành cổ Quảng trị, nghĩa trang Trường Sơn, khu di tích bến sông Thạch Hãn, thăm và tặng quà cho 20 gia đình có công với cách mạng tại tỉnh Quảng Trị với tổng số tiền 98 triệu đồng;
- Tiếp tục phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng.

Ngoài ra Công ty cũng tổ chức các hội thảo để chia sẻ kinh nghiệm về nông nghiệp cho cộng đồng nông dân ở địa phương cũng như cả nước, những thông tin đó được tổng hợp trên Website của Công ty để phục vụ cho những nông dân bị không thể tham dự do vấn đề địa lý.



# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

## Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2022, Công ty đã sử dụng 11.374.246 kw điện năng. Lượng điện năng này được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh và sinh hoạt trong Công ty, nhà máy. Công ty luôn đảm bảo các máy móc, trang thiết bị hoạt động tiết kiệm điện và hiệu quả. Công ty cũng tuyên truyền các cá nhân hoạt động trong Công ty phải tiết kiệm năng lượng điện. Ngoài ra, vấn đề trong việc tiêu thụ năng lượng xăng, dầu trong quá trình vận chuyển cũng được Công ty sử dụng tiết kiệm và hợp lý.

## Biện pháp tiết kiệm năng lượng

- ❖ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, kịp thời sửa chữa khi phát hiện dấu hiệu bất thường nhằm hạn chế ngưng máy đột xuất dẫn đến hao phí nguyên liệu, than đá, điện, ...
- ❖ Tiết kiệm than:
  - Duy trì tốt chế độ vận hành của hệ thống sấy, hệ thống nồi hơi, bảo quản tốt nguyên liệu chính góp phần giảm tiêu hao than trên tấn sản phẩm; Điều hành sản xuất kịp thời, hạn chế tối đa những ca có năng suất thấp, sản phẩm bị lỗi về màu sắc, độ ẩm, hàm lượng, v.v. phải xử lý lại.
  - Duy trì tốt chế độ vận hành của hệ thống sấy, bảo quản tốt nguyên liệu chính góp phần giảm tiêu hao than trên tấn sản phẩm so với định mức.
- ❖ Tiết kiệm chi phí điện năng: Điều hành sản xuất kịp thời, hạn chế tối đa những ca có năng suất thấp, sản phẩm bị lỗi về màu sắc, độ ẩm, hàm lượng, v.v. phải xử lý lại; Hạn chế thiết bị chạy không tải, non tải, v.v.

## Tiêu thụ nước

Bên cạnh tiêu thụ điện năng, Công ty cũng sử dụng nước trong quá trình vận hành. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng tại các nhà máy là nước do Công ty nước cung cấp. Công ty đã đưa ra chính sách tiêu thụ tối ưu nguồn nước ở các nhà máy và khu văn phòng. Công ty cũng luôn tuyên truyền mọi người sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, ngoài ra Công ty còn tổ chức kiểm tra định kỳ hệ thống nước nhằm xử lý kịp thời để tránh thất thoát.

## Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Thông qua phương thức hoạt động đề cao pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc việc xử lý chất thải đúng quy định, không để xảy ra tình trạng bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường.



*Ổn định sản xuất - hướng tới phát triển bền vững*

# 03

## **Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám đốc**

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

**Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**

## Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2022 là năm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam và Đảng bộ Công ty, cũng là năm có nhiều sự kiện chính trị quan trọng của đất nước như tổ chức kỷ niệm các ngày lễ, triển khai Nghị quyết, Chỉ thị, Quy định mới của Trung ương sau Đại hội khóa XIII của Đảng. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhất là dịch bệnh Covid-19 tuy đã được kiểm soát nhưng diễn biến phức tạp do xuất hiện biến thể mới, chiến tranh thương mại giữa các nước, Trung Quốc phong tỏa một số địa phương để phòng, chống dịch, đặc biệt là cuộc chiến tranh quân sự Nga – Ukraine kéo dài đã tác động rất lớn đến giá cả nguyên liệu, năng lượng, vận chuyển, cùng với thời tiết bất thường, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với tinh thần bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Lãnh đạo Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện có hiệu quả chương trình công tác; đề ra các chủ trương, giải pháp, cùng với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để phát huy nội lực, khắc phục khó khăn, huy động sức mạnh của hệ thống chính trị, thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra.



Năm 2022, Công ty cũng như các đơn vị cùng ngành gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón do giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, đã làm cho sản lượng sản xuất và tiêu thụ không đạt theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Ban Điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp về sản xuất, tiêu thụ, kinh doanh thương mại nên các chỉ tiêu chính như: Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế); doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Tài sản ngắn hạn	1.186,7	83,07%	869,3	80,30%	73,25%
Tài sản dài hạn	241,8	16,93%	213,5	19,7%	88,17%
Tổng tài sản	1.428,5	100%	1.082,8	100%	75,78%

Năm 2022, Tổng tài sản của Công ty năm 2022 đạt 75,78% so với cùng kỳ năm 2021. Xét về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao 50,30%, trong đó chủ yếu là hàng tồn kho. Tài sản ngắn hạn năm 2022 giảm so với năm 2021 khi các khoản chiếm tỷ trọng cao trong năm 2021 như hàng tồn kho, tiền và các khoản tương đương tiền giảm. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ và cũng không có nhiều biến động.

### Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Nợ ngắn hạn	843,9	99,89%	467,3	99,91%	55,37%
Nợ dài hạn	0,9	0,11%	0,4	0,09%	44,44%
Tổng nợ phải trả	844,8	100%	467,7	100%	55,35%

Nợ phải trả của Công ty đã giảm mạnh trong năm 2022 khi so với năm 2021, từ 844,8 tỷ đồng xuống còn 467,7 tỷ đồng, tương đương giảm còn 55,35% so với năm 2021. Trong năm 2022, với mục tiêu cơ cấu lại vốn lưu động, cũng như giảm chi phí tài chính, Công ty đã giảm bớt khoản nợ vay, đặc biệt là nợ vay ngắn hạn. Nợ dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ, biến động không nhiều.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước do sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.

### Về hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường

- Cải tiến hệ thống định lượng nguyên liệu đầu vào trên dây chuyền sản xuất NPK, hệ thống đóng chai tự động trên dây chuyền sản xuất phân bón lá Yogen;
- Bổ sung thiết bị bọc áo dầu trên dây chuyền sản xuất NPK tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước và Nhà máy Phân bón Cửu Long để nâng cao chất lượng sản phẩm, không còn tình trạng kết khối sản phẩm, giảm chi phí trong sản xuất;
- Cải tạo lò hơi trong dây chuyền sản xuất NPK để duy trì nguồn hơi ổn định giúp cho quá trình tạo hạt được đồng đều, giảm phế trong quá trình sản xuất;
- Nghiên cứu, chế tạo hệ thống sấy để nâng cao năng suất sản xuất sản phẩm SFJC Bio-Gold G.A.P đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên thị trường;
- Đặc biệt sản xuất được các sản phẩm hạt nhỏ như NPK 16-16-8+6S+TE, NPK 20-5-5 +TE, đồng thời dùng sản phẩm hạt nhỏ thay thế MAP để phối trộn vào các sản phẩm mùa khô giúp giảm giá thành sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế.
- Sản xuất được các sản phẩm xuất khẩu có thành phần dinh dưỡng đa dạng như NPK 14-14-14, NPK 15-15-15.
- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị hiện tại, thay đổi các thông số công nghệ và ứng dụng vào sản xuất các sản phẩm phân bón hữu cơ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước tiếp cận xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ theo định hướng của Chính phủ.



### Về công tác phát triển thị trường

- Trong năm 2022, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện truyền thông trên các đài phát thanh và truyền hình: HTV, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và miền Bắc, đặc biệt là phối hợp với Đài truyền hình Bình Thuận phát sóng chương trình “kiến thức nhà nông” tiếp tục giới thiệu sản phẩm (SFJC Bio-Gold G.A.P) và các sản phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao, các sản phẩm mới hạt nhỏ như NPK 16-16-8+6S+TE, NPK 20-5-5 +TE cho các loại cây trồng; phối hợp với đài truyền hình Cần Thơ tổ chức cuộc thi “nhà nông tự tình”;
- Phối hợp với các nhà khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp để giải đáp cho bà con nông dân các vấn đề liên quan đến kỹ thuật canh tác, sử dụng các loại phân bón mới có hiệu quả trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, cải tạo đất, qua đó giúp cho bà con nông dân tiếp thu nhiều kiến thức khoa học áp dụng vào sản xuất phù hợp với giống, điều kiện thổ nhưỡng;
- Công ty đã đưa ra các giải pháp để phát triển thị trường như: rà soát lại hệ thống đại lý có tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu lại sản phẩm hiện có, thực hiện các chính sách mới trong tiêu thụ, thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, trình diễn sản phẩm trên các loại cây, qua đó xây dựng được hình ảnh, thương hiệu của Công ty.
- Công ty xây dựng và kinh doanh một số sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

# Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý (tiếp theo)

## Về công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm

- Trước tình hình khan hiếm, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, Công ty đã chủ động nghiên cứu và đưa vào sản xuất một số nguyên liệu tồn kho hiện có, đảm bảo chất lượng theo đúng quy định, qua đó đã giảm đáng kể nguyên liệu tồn kho, giảm chi phí tài chính, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2022;
- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, thử nghiệm các loại nguyên liệu mới và đưa vào sản xuất các sản phẩm mới có hàm lượng dinh dưỡng cao, phù hợp với từng loại đất, cây trồng;
- Xây dựng kế hoạch để tổ chức khảo nghiệm sản phẩm phân bón hữu cơ SFJC Bio-Gold G.A.P trên các loại cây trồng chủ lực tại nhiều khu vực để đưa ra các khuyến cáo, định hướng cho bà con nông dân kỹ thuật canh tác, sử dụng sản phẩm có hiệu quả.

## Về công tác quản lý tài chính

- Công ty đã chủ động về dòng tiền, cân đối huy động và sử dụng vốn vay hợp lý, vốn vay được kiểm soát chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích, thực hiện trả nợ vay ngân hàng đúng hạn, lãi suất vay vốn trong năm bình quân thấp giúp tiết giảm chi phí tài chính của Công ty;
- Công ty đã xây dựng Quy chế tài chính, chính sách bán hàng, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác; góp phần quản lý tốt chi phí quản lý, luôn đảm bảo tốt nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Thực hiện quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu nội bộ. Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu thông qua việc quản lý và giám sát chặt chẽ định mức sử dụng nguyên vật liệu;
- Thực hiện quyết liệt các giải pháp đôn đốc thu hồi công nợ, nợ phải thu giảm qua các năm, cuối năm 2022 còn 5,9% trên doanh thu (theo Quy chế quản lý nợ là 18% trên doanh thu);
- Cân đối việc sử dụng và dự trữ hàng tồn kho trong năm ở mức hợp lý, đồng thời luân chuyển nguyên liệu giữa các đơn vị trong nội bộ để quay vòng nhanh nguồn vốn góp phần vào việc giảm chi phí tài chính.

## Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá, xác định lại mức độ cấp thiết, mục tiêu và hiệu quả đầu tư của từng dự án. Trên cơ sở đó, kết hợp các nguồn lực hiện có, Công ty ưu tiên thực hiện các dự án thực sự cấp thiết, nhanh chóng hoàn thành dự án và đưa vào sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh như:

- Cải tạo dây chuyền hơi nước thùng quay 150.000 tấn/năm tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước.
- Cải tạo dây chuyền hơi nước thùng quay 60.000 tấn/năm tại Nhà máy Phân bón Cửu Long.
- Cải tạo dây chuyền sản xuất axit H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> 40.000 tấn/năm và dây chuyền sản xuất super lân 200.000 tấn/năm tại Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành.
- Cải tạo thiết bị đóng nắp, hàn kín chai và thiết bị kiểm tra để kiểm soát sản phẩm của dây chuyền phân bón Lá Yogen.
- Công trình đầu tư thùng chứa axit T205A, tủ cắt trung thế 6kv lộ 672, đầu tư thay thế hệ thống làm lạnh ống gang bằng hệ thống làm lạnh dạng tấm hợp kim tại Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành.



# Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý (tiếp theo)

## Về công tác quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm trên từng khâu, từng công đoạn (kể cả nguyên liệu đầu vào) trước khi đóng bao để đưa ra thị trường, qua đó sản phẩm luôn đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu sử dụng của bà con nông dân;
- Phối hợp với các nhà khoa học nghiên cứu bổ sung các hoạt chất mới vào sản phẩm nhằm tăng năng suất, chất lượng nông sản;
- Tiếp tục hoàn thiện 5S trong sản xuất kinh doanh phân bón lá Yogen tại Nhà máy Phân bón Cửu Long, tiến tới áp dụng đồng bộ cho các đơn vị trực thuộc trong Công ty.



## Về công tác phòng, chống dịch Covid-19

Ban Điều hành Công ty phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền và chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, địa phương, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Hội đồng quản trị đối với công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới.

## Về chăm lo đời sống đối với người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo thỏa ước lao động tập thể, thu nhập bình quân năm 2022 là 13,5 triệu đồng/người/tháng.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự báo năm 2023, tình hình kinh tế chính trị thế giới sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, chiến tranh Nga và Ukraine, dịch bệnh Covid – 19 có thể bùng phát trở lại ảnh hưởng nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế trong nước nói riêng. Trong thời gian tới dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do chiến tranh thương mại, giá cả nguyên liệu biến động thất thường khó dự báo, biến đổi khí hậu, các chính sách bảo hộ, diện tích canh tác bị thu hẹp. Trung Quốc mở cửa thị trường tạo điều kiện cho hàng hóa, đặc biệt là nông sản được lưu thông, giá cả nông sản đã bắt đầu có xu hướng tăng, giúp nông dân tái đầu tư cho hoạt động sản xuất và thuận lợi lớn cho việc tiêu thụ các sản phẩm phân bón. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là thách thức và cũng là cơ hội cho các Công ty trong việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng các thành tựu khoa học- công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý điều hành.

## Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với những ý kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm.



# Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc thấy các hoạt động liên quan đến môi trường của Công ty đúng với kế hoạch mà Ban Tổng Giám đốc đề ra, hoạt động theo đúng quy định, chủ trương của Chính phủ và phù hợp với xu hướng của thế giới hiện tại. Công ty đã xử lý tốt các chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, không gây ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và đời sống của dân cư xung quanh. Các sản phẩm của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về chất lượng và hoàn toàn thân thiện với môi trường.



## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với là cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho những gia đình, tổ chức gặp khó khăn đã không chỉ thể hiện một hình ảnh tốt đẹp của chính Công ty mà còn thể hiện Công ty là một chỗ dựa vững chắc cho các cộng đồng địa phương. Công ty cũng tuyển dụng các lao động tại địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho họ. Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức các buổi hội thảo nhằm nâng cao kinh nghiệm và tay nghề trong lĩnh vực nông nghiệp của những người nông dân tại địa phương cũng như trên cả nước.



## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2022 nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các vấn đề liên quan đến công tác người lao động được xử lý tốt. Công tác nhân sự trong vấn đề tuyển dụng, đào tạo được thực hiện tốt. Mức lương của người lao động được tăng lên. Các chính sách về bảo hiểm, an toàn lao động, lương thưởng của người lao động được chúng tôi đánh giá cao. Công ty đã tạo ra được môi trường hoạt động lành mạnh, công bằng và văn minh, ngoài ra Công ty cũng tổ chức các buổi liên hoan, các hoạt động đoàn thể nhằm giải tỏa căng thẳng và tăng tính đoàn kết cho người lao động.



04

## **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, Ban Hội đồng quản trị chúng tôi đánh giá Công ty đã hoạt động tốt ở mặt hoạt động kinh doanh chính, hoàn thành xuất sắc kế hoạch đã đề ra. Các công tác về đào tạo, tuyển dụng và chính sách của người lao động trong Công ty được chúng tôi đánh giá là làm đúng, làm đủ và kịp thời. Đối với các hoạt động trong vấn đề bảo vệ môi trường, Hội đồng quản trị thấy công ty đã làm đúng theo quy định của Chính phủ. Nhìn chung, chúng tôi đánh giá Công ty đã hoàn thành tốt về các mặt hoạt động, trách nhiệm môi trường xã hội và các chính sách đối với người lao động. Công tác trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông cũng như các sự kiện khác cũng được chúng tôi đánh giá là tốt.



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị chúng tôi đánh giá rằng Ban điều hành và tập thể người lao động đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đề ra. Các hoạt động liên quan đến tiêu thụ năng lượng, chính sách người lao động, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội đều được Ban điều hành làm tốt. Các hoạt động kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và điều hành được Ban điều hành thực hiện đúng và đủ. Ban điều hành đã phối hợp với Hội đồng quản trị chúng tôi cùng như Ban kiểm soát để đưa ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả, đúng với những chiến lược đã thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông. Chúng tôi xin ghi nhận những đóng góp và nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động trong năm 2022 vừa qua.

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Về cơ bản, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo Công ty củng cố và phát triển thị trường trong là ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao thị phần, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, tiến tới sản xuất các sản phẩm hữu cơ, thân thiện với môi trường. Năm 2023 được dự báo là một năm khó khăn của nền kinh tế thế giới, nên Hội đồng quản trị chúng tôi sẽ tích cực phối hợp với Ban điều hành và Ban kiểm soát nhằm đưa ra những kế hoạch, định hướng mang lại lợi ích tối đa cho Công ty.





05

## Quản trị công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

# Hoạt động của Hội đồng quản trị

## Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Hàng quý, hoặc đột xuất Hội đồng quản trị thực hiện các cuộc họp để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kỳ trước, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ tới; kịp thời thảo luận và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đều trình lên Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Hội đồng quản trị luôn thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế nội bộ và hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cụ thể số nội dung chủ yếu sau:

- Hoàn thành và công bố thông tin báo cáo tài chính đúng quy định;
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đúng quy định của pháp luật vào ngày 29 tháng 4 năm 2022;
- Kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh các quý trong năm 2022;
- Triển khai việc chốt danh sách để chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 2%/mệnh giá;
- Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế nội bộ trong hoạt động quản lý điều hành Công ty;
- Kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh, sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường.

## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Văn Quý	7/7	100%	-
2	Đặng Tấn Thành	7/7	100%	-
3	Trịnh Quốc Hùng	7/7	100%	-
4	Lê Việt Hưng	3/3	100%	Miễn nhiệm ngày 29/4/2022
5	Ngô Ngọc Quang	4/7	57,1%	Bận việc gia đình
6	Hà Thái Sơn	4/4	100%	Bổ nhiệm ngày 29/4/2022



## Các nghị quyết, Quyết định

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	11/01/2022	Hội đồng quản trị họp và lấy ý kiến và thông qua Quyết định về việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc.
02	02/QĐ-HĐQT	11/01/2022	Quyết định về việc bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.
03	03/NQ-HĐQT	15/01/2022	Hội đồng quản trị họp và thông qua các nội dung chính như sau:
04	04/QĐ-HĐQT	15/01/2022	Quyết định giao Kế hoạch Sản xuất- Kinh doanh quý I năm 2022.
05	05/QĐ-HĐQT	15/01/2022	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
06	06/NQ-HĐQT	09/3/2022	Hội đồng quản trị họp và thông qua kế hoạch, thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 là ngày 29/4/2022 và ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là ngày 30/3/2022.
07	07/NQ-HĐQT	05/4/2022	Hội đồng quản trị họp và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2022.
08	08/QĐ-HĐQT	05/4/2022	Quyết định giao Kế hoạch Sản xuất kinh doanh quý II năm 2022.
09	09/QĐ-HĐQT	04/4/2022	Quyết định về việc thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông năm 2022.
10	10/QĐ-HĐQT	05/4/2022	Quyết định thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ.
11	11/NQ-HĐQT	20/4/2022	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2022.
12	12/NQ-HĐQT	25/4/2022	Nghị quyết về việc đề cử ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

### Các nghị quyết, Quyết định (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
			Đại hội đồng cổ đông họp ngày 29/4/2022 thông qua các nội dung chính như sau:
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2021 và mục tiêu phương hướng năm 2022;</li> <li>Báo cáo của Ban Điều hành Công ty về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;</li> <li>Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022;</li> <li>Báo cáo tài chính toán tắt năm 2021 đã được kiểm toán;</li> <li>Tờ trình phương án phân chia lợi nhuận và trả cổ tức năm 2021;</li> <li>Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự kiến chia cổ tức năm 2022, ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tế để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 vào kỳ họp năm 2023 và quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2022 và thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông;</li> <li>Tờ trình báo cáo về việc trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người công bố thông tin năm 2021 và mức chi trả năm 2022;</li> <li>Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;</li> <li>Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;</li> <li>Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với ông Lê Việt Hưng;</li> <li>Bầu bổ sung ông Hà Thái Sơn là thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.</li> </ul>
13	13/NQ-ĐHĐCĐ	29/4/2022	
14	14/QĐ-HĐQT	29/4/2022	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
15	15/QĐ-HĐQT	29/4/2022	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
16	16/NQ-HĐQT	19/5/2022	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021. Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Thông qua việc ông Trịnh Quốc Hùng thôi là Người công bố thông tin, giao ông Nguyễn Hồng trường là Người công bố thông tin Công ty.

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
17	17/QĐ-HĐQT	19/5/2022	Quyết định về việc giao nhiệm vụ Người công bố thông tin Công ty.
18	18/QĐ-HĐQT	19/5/2022	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty.
19	22/NQ-HĐQT	14/7/2022	Thông qua kế hoạch Sản xuất kinh doanh quý III năm 2022. Thông qua báo cáo tài chính quý II năm 2022. Thông qua thang lương, bảng lương, phụ cấp lương thực hiện ngày 01/7/2022. Thông qua đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty về việc xử lý nợ khó đòi.
20	23/QĐ-HĐQT	29/9/2022	Quyết định ban hành danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026.
21	24/QĐ-HĐQT	29/9/2022	Quyết định về việc ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp lương năm 2022.
22	25/QĐ-HĐQT	29/9/2022	Quyết định về việc giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2022.
23	26/NQ-HĐQT	19/10/2022	Thông qua kế hoạch Sản xuất kinh doanh quý IV năm 2022. Thông qua Báo cáo tài chính quý III năm 2022. Thông qua Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy Công ty với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam. Thông qua các Quy chế nội bộ theo nội dung Tờ trình số 1037/TTr-PBMN ngày 13/10/2022 của Tổng Giám đốc Công ty.
24	27/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2022.
25	28/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
26	29/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế về Quản lý, mua sắm vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
27	30/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế về Quản lý và sử dụng Tài sản cố định Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
28	31/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đầu tư tại doanh nghiệp khác.
29	32/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
30	33/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý công tác sửa chữa tài sản cố định Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

### Các nghị quyết, Quyết định (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
31	34/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế Bán hàng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
32	35/QĐ-HĐQT	01/11/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động và quản lý điều hành Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
33	36/NQ-HĐQT	28/12/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.</li><li>Thông qua thang lương, bảng lương, phụ cấp lương thực hiện từ ngày 01/01/2023.</li><li>Thông qua việc ban hành định mức tiêu hao vật tư - kỹ thuật cho các sản phẩm đặc thù của Công ty theo nội dung Tờ trình 1297/TTr-PBMN ngày 23/12/2022 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.</li></ul>
34	37/QĐ-HĐQT	28/12/2022	Quyết định phê duyệt dừng vĩnh viễn dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất NPK theo công nghệ tạo hạt hơi nước thùng quay công suất 100.000T/N tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước
35	38/QĐ-HĐQT	28/12/2022	Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư – kỹ thuật cho cá sản phẩm đặc thù của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
36	39/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Điều chỉnh lương đóng bảo hiểm xã hội cho Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Đặng Tấn Thành
37	40/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Điều chỉnh lương đóng bảo hiểm xã hội cho Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Vũ Minh Tuấn
38	41/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Điều chỉnh lương đóng bảo hiểm xã hội cho Kế toán trưởng Công ty đối với ông Đỗ Văn Tuấn



## Hoạt động của Ban kiểm soát

### Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- Ban Kiểm soát được mời và tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được mời tham dự họp giao ban hàng tháng của Công ty nhằm nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các đánh giá, nhận xét về hoạt động của Công ty.
- Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 và các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính, kế toán; kiểm tra tính chính xác, tính trung thực và hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán.
- Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty; thực hiện kiểm soát định kỳ theo quy định.
- Thẩm định báo cáo quản trị Công ty 6 tháng/năm 2022.
- Kiểm tra việc công bố thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết.

### Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Đức Hoài	2/2	100%	-
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	2/2	100%	-
3	Vũ Trịnh Diễm Hồng	2/2	100%	-

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao năm 2022 (đồng)
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	72.000.000
Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	596.580.659
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	49.6191.988
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	45.000.000
Ông Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	25.000.000
Ông Lê Việt Hưng	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm ngày 29/04/2022)	25.000.000
Ông Trần Phi Hùng	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm ngày 29/04/2022)	35.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>		
Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban kiểm soát	369.616.326
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000
Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	182.659.357
<b>Ban điều hành</b>		
Ông Đặng Tấn Thành	Tổng Giám đốc	(đã nêu ở trên)
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	420.601.998
Ông Trần Hữu Công	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm ngày 30/12/2021)	15.000.000
Ông Đỗ Văn Tuấn	Kế Toán Trưởng	405.125.848

### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Không phát sinh trong năm 2022.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với bên có liên quan

STT	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
1	Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	3.948.049.931	
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	78.736.650.000	
3	Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	8.126.069.000	
4	Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM	16.259.015	
<b>Thu nhập khác từ cung cấp điện, nước, chỗ neo tàu</b>			
5	Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo VINA	-	
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
6	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	84.672.767.721	
7	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	154.772.500.000	
8	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	16.000.000.000	
9	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	5.376.226.455	
10	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	4.765.352	
11	Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	50.003.881.226	
12	Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	92.381.000	
13	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	14.526.000	
14	Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM	123.578.400.000	
15	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	8.358.500.000	
16	Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	30.000.000	
<b>Doanh thu tài chính – Lãi bán hàng trả chậm</b>			
17	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	1.217.202.990	
<b>Doanh thu tài chính – cổ tức được chia</b>			
18	Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo VINA	4.782.015.000	
<b>Chia cổ tức</b>			
19	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	6.231.762.600	Số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ





## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản Luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác và kịp thời.

*Nâng tầm nông sản Việt*



The background features a person's hands using a calculator on a desk. Overlaid on the scene are various financial graphics: a glowing line graph in the upper right, a bar chart at the bottom, and a grid pattern. A large green diamond shape is positioned on the left side, containing the number '06'.

**06**

## **Báo cáo tài chính**

**Ý kiến kiểm toán**

**Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 45
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 45

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hòa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Đường Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	
Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên	
Ông Hà Thái Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2022
Ông Lê Việt Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Tấn Thành	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21/01/2022
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên
Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**  
  
**Đặng Tấn Thành**



Số 2020223.003/BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**  
**Giám đốc**

  
**Trần Trung Hiếu**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2023-002-1

**Kiểm toán viên**

  
**Đào Trung Thành**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4700-2019-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>869.306.734.718</b>	<b>1.186.707.143.611</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	17.557.593.990	101.697.190.454
111	1. Tiền		7.557.593.990	9.697.190.454
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	92.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	<b>154.800.000.000</b>	<b>286.984.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		154.800.000.000	286.984.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>103.852.236.249</b>	<b>177.471.868.354</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	119.974.049.325	104.891.721.507
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	8.399.918.376	104.018.601.735
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	3.820.287.883	5.880.025.979
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(28.342.019.335)	(37.318.480.867)
140	IV. Hàng tồn kho	09	<b>571.505.485.112</b>	<b>608.551.955.001</b>
141	1. Hàng tồn kho		571.505.485.112	608.551.955.001
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>21.591.419.367</b>	<b>12.002.129.802</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.795.829.565	990.436.992
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.852.810.684	10.071.668.691
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	3.942.779.118	940.024.119
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>213.532.150.844</b>	<b>241.796.689.095</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		<b>300.591.000</b>	<b>300.591.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	310.591.000	310.591.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(10.000.000)	(10.000.000)
220	II. Tài sản cố định		<b>157.833.130.716</b>	<b>167.551.982.376</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	72.303.381.859	78.979.740.295
222	- Nguyên giá		529.326.243.501	521.118.311.099
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(457.022.861.642)	(442.138.570.804)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	519.261.369	934.670.457
225	- Nguyên giá		1.246.227.273	1.246.227.273
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(726.965.904)	(311.556.816)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	85.010.487.488	87.637.571.624
228	- Nguyên giá		114.702.444.707	114.702.444.707
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.691.957.219)	(27.064.873.083)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	<b>1.074.170.840</b>	<b>1.074.170.840</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.074.170.840	1.074.170.840
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	<b>43.874.896.709</b>	<b>43.874.896.709</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		43.874.896.709	43.874.896.709
260	VI. Tài sản dài hạn khác		<b>10.449.361.579</b>	<b>28.995.048.170</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.407.513.144	28.089.234.995
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	41.848.435	905.813.175
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.082.838.885.562</b>	<b>1.428.503.832.706</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>467.710.121.329</b>	<b>844.839.712.084</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		<b>467.338.259.154</b>	<b>843.944.332.930</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	61.272.594.077	75.092.258.447
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	10.056.347.986	16.578.898.444
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	-	2.937.575.705
314	4. Phải trả người lao động		55.098.306.935	29.081.406.337
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	3.501.834.578	8.716.430.357
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	64.055.040.100	14.272.568.536
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	270.410.195.429	697.265.195.104
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.943.940.049	-
330	II. Nợ dài hạn		<b>371.862.175</b>	<b>895.379.154</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	149.069.039	155.900.152
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	126.000.000	169.119.510
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	96.793.136	570.359.492
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>615.128.764.233</b>	<b>583.664.120.622</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	<b>615.128.764.233</b>	<b>583.664.120.622</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		478.973.330.000	478.973.330.000
411a	Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		478.973.330.000	478.973.330.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		78.213.308.772	59.915.529.529
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.390.923.137	7.390.923.137
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.551.202.324	37.384.337.956
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.520.536.264	788.779.470
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		45.030.666.060	36.595.558.486
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.082.838.885.562</b>	<b>1.428.503.832.706</b>

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tuấn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc

Đặng Văn Thành

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.022.706.636.180	2.117.795.193.883
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	14.191.856.967	8.118.017.993
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.008.514.779.213	2.109.677.175.890
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.864.424.814.645	1.948.958.392.719
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.089.964.568	160.718.783.171
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	35.966.611.817	10.347.341.149
22	7. Chi phí tài chính	28	36.776.019.010	25.034.492.410
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		32.544.916.471	21.751.950.226
25	8. Chi phí bán hàng	29	50.161.845.002	72.713.432.368
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	36.473.494.345	36.226.421.289
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.645.218.028	37.091.778.253
31	11. Thu nhập khác	31	4.566.459.901	6.516.717.229
32	12. Chi phí khác	32	6.180.484.084	563.519.030
40	13. Lợi nhuận khác		(1.614.024.183)	5.953.198.199
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.031.193.845	43.044.976.452
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	9.136.563.045	7.355.231.141
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	863.964.740	(905.813.175)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		45.030.666.060	36.595.558.486
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	940	681

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tuấn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đặng Tấn Thành

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.031.193.845	43.044.976.452
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.585.078.970	26.912.132.477
03	- Các khoản dự phòng		(8.976.461.532)	4.093.174.474
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		299.305.007	(323.053.044)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.110.042.917)	(8.636.523.282)
06	- Chi phí lãi vay		32.544.916.471	21.751.950.226
07	- Các khoản điều chỉnh khác		219.965.073	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.593.954.917	86.842.657.303
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		78.025.222.669	96.485.999.929
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		37.046.469.889	(190.254.836.163)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		43.520.013.891	28.038.869.186
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.876.329.278	10.719.352.767
14	- Tiền lãi vay đã trả		(32.798.495.736)	(21.499.192.900)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.094.303.727)	(2.871.879.520)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.042.615.800)	(1.168.568.325)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		202.126.575.381	6.292.402.277
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.003.346.263)	(14.300.322.172)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		390.339.840	523.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(664.970.000.000)	(419.884.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		797.154.000.000	162.900.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.439.373.728	5.096.599.928
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		151.010.367.305	(265.663.904.062)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

MA SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.510.553.967.303	2.065.106.830.963
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.937.441.191.074)	(1.748.341.926.238)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(434.102.496)	(393.501.872)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.589.505.900)	(11.902.823.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(436.910.832.167)	304.468.579.603
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(83.773.889.481)	45.097.077.818
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		101.697.190.454	56.262.877.163
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(365.706.983)	337.235.473
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	17.557.593.990	101.697.190.454

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Đặng Văn Thành

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Đường Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 478.973.330.000 đồng, tương đương 47.897.333 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 478.973.330.000 đồng;

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 680 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 687 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất phân bón, kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phân bón các loại: Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 giảm 16,629 tỷ VND so với năm 2021 chủ yếu là do doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 101,162 tỷ VND, giá vốn hàng bán giảm 84,534 tỷ VND. Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao do bị ảnh hưởng chung của thị trường thế giới kéo theo giá thành tăng cao nên giá bán cũng phải tăng tương ứng làm cho sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận của Công ty năm nay bị ảnh hưởng đáng kể.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Phân bón Hiệp Phước	Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Phân bón Cửu Long	Số 405, Quốc lộ 1A, xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Super Phốt phát Long Thành	KCN Gò Dầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy sản xuất Bao bì	CI/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh bao bì

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Khoản đầu tư vào công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền từng tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chí phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chí phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## 2.10 . Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	39- 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của từng loại, nhưng tối đa không quá 03 năm, việc xác định thời gian sử dụng hữu ích theo đánh giá của bộ phận kỹ thuật Công ty, dựa trên hiện trạng và nhu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm đánh giá.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

## 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí bốc xếp, làm hàng, các khoản chiết khấu thương mại... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## 2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, thuê mặt bằng

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## 2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.146.560.698	1.303.821.683
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.411.033.292	8.393.368.771
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	10.000.000.000	92.000.000.000
	<b>17.557.593.990</b>	<b>101.697.190.454</b>

<sup>(\*)</sup> Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất 4,6%/năm.

### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>154.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>286.984.000.000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	154.800.000.000	-	286.984.000.000	-
	<b>154.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>286.984.000.000</b>	<b>-</b>

<sup>(\*)</sup> Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 6,8%/năm đến 10,5%/năm.

#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>43.874.896.709</b>	<b>-</b>	<b>43.874.896.709</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Hòa châu Chất Hóa dẻo Vina (trước đây là: Công ty TNHH Hòa châu LG Vina)	43.874.896.709	-	43.874.896.709	-
	<b>43.874.896.709</b>	<b>-</b>	<b>43.874.896.709</b>	<b>-</b>
		%		%
		35,00		35,00
		35,00		35,00

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>19.151.778.718</b>	-	<b>12.261.776.234</b>	-
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	671.902.584	-	1.191.889.222	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	17.365.146.020	-	9.762.497.412	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	95.617.514	-	-	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam - Xi nghiệp Ác quy Đồng Nai	163.350.000	-	360.450.200	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam - Xi nghiệp Ác quy Đồng Nai 2	855.762.600	-	946.939.400	-
<b>Phải thu khách hàng là các bên khác</b>	<b>100.822.270.607</b>	<b>(28.262.019.335)</b>	<b>92.629.945.273</b>	<b>(37.248.480.867)</b>
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vân	2.902.000.000	-	3.686.790.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất Nhập khẩu Chính Phụng	8.090.450.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tấn Tài	9.704.610.000	-	800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	-	-	7.527.167.500	-
- Xi nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng Hợp Đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	4.591.251.400	-	-	-
- Công ty TNHH Hoàng Thuận Tín	-	-	4.500.268.459	(4.358.959.459)
- Công ty TNHH Thương mại Trung Hiếu	3.334.440.642	-	5.313.992.731	(811.647.819)
- Công ty TNHH MTV Nông sản Thành Mai	-	-	6.611.968.646	(3.016.814.323)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.987.423.128	(6.668.403.592)	11.987.423.128	(5.012.168.278)
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Sĩ	8.712.466.354	(8.712.466.354)	8.712.466.354	(8.671.875.154)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	51.499.629.083	(12.881.149.389)	43.489.868.455	(15.377.015.834)
	<b>119.974.049.325</b>	<b>(28.262.019.335)</b>	<b>104.891.721.507</b>	<b>(37.248.480.867)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>148.712.955</b>	-	<b>12.136.090.000</b>	-
- Công ty TNHH MTV Dạm Ninh Bình	96.090.000	-	96.090.000	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	52.622.955	-	-	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	-	12.040.000.000	-
<b>Trả trước cho người bán là các bên khác</b>	<b>8.251.205.421</b>	<b>(80.000.000)</b>	<b>91.882.511.735</b>	<b>(70.000.000)</b>
- Công ty TNHH MTV Phân bón Bình Nguyên	4.013.985.000	-	17.553.200.000	-
- Công ty TNHH Thương mại XNK Khai Anh	-	-	15.330.000.000	-
- HeartyChem Corporation	-	-	12.599.036.500	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Phúc Lộc	2.325.000.000	-	6.850.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	1.912.220.421	(80.000.000)	39.550.275.235	(70.000.000)
	<b>8.399.918.376</b>	<b>(80.000.000)</b>	<b>104.018.601.735</b>	<b>(70.000.000)</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Phải thu về tạm ứng	386.976.855	-	906.062.309	-
- Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	75.000.000	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	489.909.764	-	290.872.189	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	2.308.341.370	-	3.028.012.021	-
- Các khoản chi hộ tiền phí tàu	-	-	839.802.000	-
- Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	37.597.336	-	77.061.196	-
- Phải thu khác	522.462.558	-	663.216.264	-
	<b>3.820.287.883</b>	-	<b>5.880.025.979</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Ký cược, ký quỹ	310.591.000	(10.000.000)	310.591.000	(10.000.000)
	<b>310.591.000</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>310.591.000</b>	<b>(10.000.000)</b>

## 8 . NỢ XUẤT

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá trị	Dự phòng	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Dự phòng	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>81.525.356.141</b>	<b>28.262.019.335</b>	<b>53.263.336.806</b>	<b>78.179.593.421</b>	<b>37.248.480.867</b>	<b>40.931.112.554</b>
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Ngọc Hùng	2.954.703.200	2.954.703.200	-	2.954.703.200	2.954.703.200	-
- SL Agrimex Group Co.,Ltd	2.851.670.320	2.851.670.320	-	2.792.508.108	2.792.508.108	-
- Công ty TNHH MTV Nông Sản Thành Mai	-	-	-	6.611.968.646	3.016.814.323	3.595.154.323
- Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Hùng Leng Group	1.522.971.400	1.066.079.980	456.891.420	2.522.971.400	1.261.485.700	1.261.485.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.987.423.128	6.668.403.592	5.319.019.536	11.987.423.128	5.012.168.278	6.975.254.850
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Sĩ	8.712.466.354	8.712.466.354	-	8.712.466.354	8.671.875.154	40.591.200
- Công ty TNHH Hoàng Thuận Tín	-	-	-	4.500.268.459	4.358.959.459	141.309.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Hiếu	3.334.440.642	-	3.334.440.642	5.313.992.731	811.647.819	4.502.344.912
- Các đối tượng khác	50.161.681.097	6.008.695.889	44.152.985.208	32.783.291.395	8.368.318.826	24.414.972.569
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>90.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>-</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>
- Trung Tâm Khảo Kiểm Nghiệm Phân Bón Vùng Nam Bộ	70.000.000	70.000.000	-	70.000.000	70.000.000	-
- Công ty TNHH MTV TM DV Giao nhận và Vận tải quốc tế HBT	20.000.000	10.000.000	-	-	-	-
<b>Ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>

## 9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.200.267.543	-
Nguyên liệu, vật liệu	339.338.496.794	-	468.640.216.509	-
Công cụ, dụng cụ	8.217.439	-	28.871.305	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.103.892.912	-	564.418.679	-
Thành phẩm	204.760.254.709	-	115.883.150.903	-
Hàng hoá	271.341.400	-	636.131.400	-
Hàng gửi đi bán	25.023.281.858	-	21.598.898.662	-
	<b>571.505.485.112</b>	<b>-</b>	<b>608.551.955.001</b>	<b>-</b>

## 10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.074.170.840</b>	<b>1.074.170.840</b>
- Dự án nâng cấp dây chuyền NPK 100.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	282.727.273	282.727.273
- Dự án Cao ốc văn phòng Công ty	780.443.567	780.443.567
- Dự án Đầu tư máy tráng màng PE và máy in 2 mặt - Nhà máy Bao bì	11.000.000	11.000.000
	<b>1.074.170.840</b>	<b>1.074.170.840</b>

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	205.098.847.949	277.306.310.658	34.455.610.083	4.257.542.409	521.118.311.099
- Mua trong kỳ	-	-	3.459.441.727	170.163.818	3.629.605.545
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.578.882.250	7.657.739.515	-	-	12.236.621.765
- Thanh lý, nhượng bán	(163.680.000)	(6.590.944.076)	(903.670.832)	-	(7.658.294.908)
- Phân loại lại	-	(600.000.000)	600.000.000	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>209.514.050.199</b>	<b>277.773.106.097</b>	<b>37.611.380.978</b>	<b>4.427.706.227</b>	<b>529.326.243.501</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	179.512.629.626	228.427.994.415	30.321.564.920	3.876.381.843	442.138.570.804
- Khấu hao trong kỳ	5.325.062.805	15.233.271.087	1.787.136.371	197.115.480	22.542.585.746
- Thanh lý, nhượng bán	(163.680.000)	(6.590.944.076)	(903.670.832)	-	(7.658.294.908)
- Phân loại lại	-	(23.218.699)	-	23.218.699	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>184.674.012.431</b>	<b>237.047.102.727</b>	<b>31.205.030.459</b>	<b>4.096.716.025</b>	<b>457.022.861.642</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	25.586.218.323	48.878.316.243	4.134.045.163	381.160.566	78.979.740.295
Tại ngày cuối kỳ	24.840.037.768	40.726.003.370	6.406.350.519	330.990.202	72.303.381.859

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 378.758.126.839 VND.

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	1.246.227.273	1.246.227.273
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.246.227.273</b>	<b>1.246.227.273</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	311.556.816	311.556.816
- Khấu hao trong kỳ	415.409.088	415.409.088
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>726.965.904</b>	<b>726.965.904</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	934.670.457	934.670.457
Tại ngày cuối kỳ	<b>519.261.369</b>	<b>519.261.369</b>

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <sup>(1)</sup>	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>113.624.444.707</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>114.702.444.707</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	26.256.373.068	808.500.015	27.064.873.083
- Khấu hao trong kỳ	2.411.484.132	215.600.004	2.627.084.136
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.667.857.200</b>	<b>1.024.100.019</b>	<b>29.691.957.219</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	87.368.071.639	269.499.985	87.637.571.624
Tại ngày cuối kỳ	<b>84.956.587.507</b>	<b>53.899.981</b>	<b>85.010.487.488</b>

<sup>(1)</sup> Tài sản cố định vô hình tại Công ty là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 125B Cách mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến hết năm 2061 và Quyền sử dụng đất tại Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến năm 2048.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.055.357.089	152.369.033
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	665.739.613	195.874.698
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	74.732.863	642.193.261
	<b>2.795.829.565</b>	<b>990.436.992</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	152.345.457	694.099.517
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	9.119.803.817	26.151.581.526
- Chi phí phân bổ chất xúc tác	1.135.363.870	1.243.553.952
	<b>10.407.513.144</b>	<b>28.089.234.995</b>

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	696.870.556.468	696.870.556.468	1.510.553.967.303	1.937.448.430.838	269.976.092.933	269.976.092.933
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	277.955.728.201	277.955.728.201	567.197.498.788	768.043.321.226	77.109.905.763	77.109.905.763
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé	229.167.136.518	229.167.136.518	530.211.655.101	619.269.137.800	140.109.653.819	140.109.653.819
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	98.714.893.677	98.714.893.677	249.096.428.004	316.289.203.794	31.522.117.887	31.522.117.887
- Ngân hàng TNHH MTV CTBC (Việt Nam) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	20.080.000.000	20.080.000.000	47.163.092.600	58.543.092.600	8.700.000.000	8.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	70.952.798.072	70.952.798.072	76.768.389.963	147.721.188.035	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VTB	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3	-	-	366.575.652	-	366.575.652	366.575.652
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease	394.638.636	394.638.636	473.566.356	434.102.496	434.102.496	434.102.496
	<b>697.265.195.104</b>	<b>697.265.195.104</b>	<b>1.511.027.533.659</b>	<b>1.937.882.533.334</b>	<b>270.410.195.429</b>	<b>270.410.195.429</b>

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VN
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challenge	964.998.128	964.998.128	-	434.102.496	530.895.632	530.895.632
	<u>964.998.128</u>	<u>964.998.128</u>	<u>-</u>	<u>434.102.496</u>	<u>530.895.632</u>	<u>530.895.632</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(394.638.636)	(394.638.636)	(473.566.356)	(434.102.496)	(434.102.496)	(434.102.496)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>570.359.492</u>	<u>570.359.492</u>			<u>96.793.136</u>	<u>96.793.136</u>

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:									
Bên cho vay	Loại tiền	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Hạn mức cho vay	31/12/2022	01/01/2022
								VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.299.0684/2022-HDCVHM/NHCT900-SFG ngày 06/01/2022	Theo từng kỳ ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	400.000.000.000 VND	77.109.905.763	277.955.728.201
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0003/2228/N-KD-01 với hạn mức ngày 17/01/2022	Theo từng kỳ ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	300.000.000.000 VND	140.109.653.819	229.167.136.518
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé	VND	Hợp đồng tín dụng số 02/2022/7609940/HDT D ngày 18/11/2022	Theo từng kỳ ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	200.000.000.000 VND	31.522.117.887	98.714.893.677
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HDTD/PB MN/201705 ngày 13/07/2022	Theo từng kỳ ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	960.000 USD	8.700.000.000	20.080.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VIB	VND	Hợp đồng tín dụng số 8157264.22 ngày 08/12/2022	Theo từng kỳ ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C mua hàng hóa/ nguyên vật liệu	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	100.000.000.000 VND	366.575.652	-



15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:								31/12/2022	01/01/2022
Bên cho vay	Loại tiền	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Hạn mức cho vay	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3	USD	Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-202200413 ngày 03/06/2022	Theo từng kỳ ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	40.000.000.000 VND	12.167.839.812	-
Ngân hàng TNHH MTV CTBC (Việt Nam) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	USD	Hợp đồng tín dụng số STVN1268-17 ngày 27/10/2017 và các Thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng	Theo từng kỳ ước nhận nợ	12 tháng	Thanh toán nguyên vật liệu, chi phí đóng gói, điện, than, chi phí quảng cáo, khuyến mãi và phí vận chuyển (bao gồm phí bốc dỡ);	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	3.000.000 USD	-	70.952.798.072
								<b>269.976.092.933</b>	<b>696.870.556.468</b>
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:								31/12/2022	01/01/2022
Bên cho thuê tài chính	Hợp đồng vay	Lãi suất	Tài sản thuê	Thời hạn thanh toán	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng số tiền thuê	VND	VND	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challenge	Hợp đồng Cho thuê tài chính số B210220801 ngày 01/03/2021	Thả nổi	Ô tô con Toyota	36 tháng	1.358.500.000	1.290.575.000	530.895.632	964.998.128	
								<b>530.895.632</b>	<b>964.998.128</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng								(434.102.496)	(394.638.636)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng								<b>96.793.136</b>	<b>570.359.492</b>

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>20.656.591.710</b>	<b>20.656.591.710</b>	<b>10.066.230.693</b>	<b>10.066.230.693</b>
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	50.000	50.000	10.051.569.064	10.051.569.064
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	23.741.710	23.741.710	11.394.629	11.394.629
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	20.632.800.000	20.632.800.000	-	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hoi Kỳ nghệ Que Hàn - Xi nghiệp Hoi Kỳ nghệ Que hàn Bình Dương	-	-	3.267.000	3.267.000
<b>Phải trả người bán là các bên khác</b>	<b>40.616.002.367</b>	<b>40.616.002.367</b>	<b>65.026.027.754</b>	<b>65.026.027.754</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng	6.199.156.022	6.199.156.022	17.462.024.807	17.462.024.807
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	-	-	9.245.000.000	9.245.000.000
- Công ty Cổ phần INTERSERCO Mỹ Đình	-	-	5.358.000.000	5.358.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Quang Phú	3.198.111.251	3.198.111.251	99.400.000	99.400.000
- Các khoản phải trả người bán khác	31.218.735.094	31.218.735.094	32.861.602.947	32.861.602.947
	<b>61.272.594.077</b>	<b>61.272.594.077</b>	<b>75.092.258.447</b>	<b>75.092.258.447</b>

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên khác</b>				
- HeartyChem Corporation	2.274.903.177	2.274.903.177	1.124.658.402	1.124.658.402
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vân	-	-	3.975.000.000	3.975.000.000
- Công ty TNHH Baconco	-	-	8.400.000.000	8.400.000.000
- Công ty TNHH Vương Kim Huệ	1.650.000.000	1.650.000.000	-	-
- Công ty TNHH Phân phối Minh Thông	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Tân Phú Nông	1.215.000.000	1.215.000.000	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	1.044.500.000	1.044.500.000	-	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.671.944.809	1.671.944.809	3.079.240.042	3.079.240.042
	<b>10.056.347.986</b>	<b>10.056.347.986</b>	<b>16.578.898.444</b>	<b>16.578.898.444</b>

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	19.464.082.005	19.464.082.005	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	544.215.279	-	1.202.179.018	657.963.739	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.864.241.146	9.356.528.118	16.094.303.727	3.873.534.463	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	73.334.559	472.301.290	614.880.504	69.244.655	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	395.808.840	-	4.979.359.384	4.583.550.544	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.646.854.671	1.646.854.671	-	-
	<b>940.024.119</b>	<b>2.937.575.705</b>	<b>37.128.304.486</b>	<b>43.068.635.190</b>	<b>3.942.779.118</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	260.645.248	514.224.513
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi	209.242.175	4.529.065.874
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp, làm hàng	2.208.843.461	2.867.556.576
- Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng - Nhà máy Hiệp Phước	823.103.694	805.583.394
	<b>3.501.834.578</b>	<b>8.716.430.357</b>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<i>Chi tiết theo nội dung</i>		
- Các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	387.723.777	249.253.302
- Phải trả về cổ phần hoá	3.623.472.867	3.623.472.867
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	560.644.700	570.684.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.802.450.000	2.106.495.200
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	31.306.860.000	-
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hiệp Phú	22.524.164.647	-
- Phải trả về tiền giữ hộ Khu cư xá Nhà máy Long Thành	1.956.592.351	1.740.299.427
- Phải trả tiền mượn nguyên liệu	-	5.229.917.550
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.893.131.758	752.446.190
	<b>64.055.040.100</b>	<b>14.272.568.536</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
<i>Chi tiết theo nội dung</i>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	126.000.000	169.119.510
	<b>126.000.000</b>	<b>169.119.510</b>

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng (*)	149.069.039	155.900.152
	<b>149.069.039</b>	<b>155.900.152</b>

(\*) Doanh thu nhận trước là tiền cho Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 07/DHTD ngày 25/09/2005 với thời gian thuê là 40 năm.

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2021	478.973.330.000	59.915.529.529	7.390.923.137	13.137.172.456	559.416.955.122
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	36.595.558.486	36.595.558.486
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(242.059.736)	(242.059.736)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.974.333.250)	(11.974.333.250)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>59.915.529.529</b>	<b>7.390.923.137</b>	<b>37.384.337.956</b>	<b>583.664.120.622</b>
Số dư tại ngày 01/01/2022	478.973.330.000	59.915.529.529	7.390.923.137	37.384.337.956	583.664.120.622
Lãi trong kỳ này	-	-	-	45.030.666.060	45.030.666.060
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	18.297.779.243	-	(18.297.779.243)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.659.555.849)	(3.659.555.849)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(195.000.000)	(195.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(9.579.466.600)	(9.579.466.600)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>78.213.308.772</b>	<b>7.390.923.137</b>	<b>50.851.202.324</b>	<b>615.128.764.233</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 13/NQ-DHDCD ngày 29 tháng 04 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021	100,00	36.595.558.486
Trích Quỹ đầu tư phát triển	50,00	18.297.779.243
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00	3.659.555.849
Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý Công ty (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách)	0,53	195.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	0,36	132.000.000
Chi trả cổ tức (2%/ Vốn điều lệ, tương ứng mỗi cổ phần nhận 200 đồng)	26,18	9.579.466.600
Lợi nhuận còn lại năm 2021 chưa phân phối	12,93	4.731.756.794

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,05	311.588.130.000	65,05	311.588.130.000
- Cổ đông khác	34,95	167.385.200.000	34,95	167.385.200.000
	<b>100</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>100</b>	<b>478.973.330.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	478.973.330.000	478.973.330.000
- Vốn góp cuối kỳ	478.973.330.000	478.973.330.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	570.684.000	499.174.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	9.579.466.600	11.974.333.250
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	9.579.466.600	11.974.333.250
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(9.589.505.900)	(11.902.823.250)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(9.589.505.900)	(11.902.823.250)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<b>560.644.700</b>	<b>570.684.000</b>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	47.897.333	47.897.333
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.897.333	47.897.333
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	78.213.308.772	59.915.529.529
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.390.923.137	7.390.923.137
	<b>85.604.231.909</b>	<b>67.306.452.666</b>

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất số 3710/TĐBĐ tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2007 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 95.606 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại lô B2 nằm trong Khu công nghiệp Hiệp Phước tại Đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2002 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 70.081,2 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 214/2017 tại xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2018 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 36.395,2 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại lô C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 11.939,1 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	Đvt	31/12/2022		01/01/2022	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
- Supe Lân Long Thành dạng bột	tấn	514,95	Bình thường	6.546,90	Bình thường
- Supe Lân Long Thành dạng hạt	tấn	310,00	Bình thường	1.571,95	Bình thường
- Phân NPK 9-6-3 + TE	tấn	0,00	Bình thường	2,00	Bình thường
- Phân Kali Mop 61 + TE bột	tấn	0,00	Bình thường	300,00	Bình thường
- Axit Sunfuric 2 (H2SO4)	tấn	801,99	Bình thường	2.134,43	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ (USD)	4.351,22	5.827,66
- Đồng Euro (EUR)	201,37	201,37

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Cơ sở kinh doanh Phần bón Phạm Văn Ngự	1.026.767.935	1.026.767.935
- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ	1.625.632.560	1.625.632.560
- Lê Thị Kim Mỹ	958.333.307	958.333.307
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông	3.669.353.250	3.669.353.250
- Công ty TNHH MTV Minh Thiện	2.052.498.348	2.052.498.348
- Các đối tượng khác	2.250.769.313	2.085.936.213
	<b>11.583.354.713</b>	<b>11.418.521.613</b>

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán Nguyên vật liệu	652.143.734.870	807.467.886.323
Doanh thu bán Thành phẩm	1.362.919.070.484	1.308.734.323.775
Doanh thu khác	7.643.830.826	1.592.983.785
	<b>2.022.706.636.180</b>	<b>2.117.795.193.883</b>
	<b>90.827.027.946</b>	<b>314.454.773.450</b>

Trong đó: Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42.

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	11.757.873.297	6.791.192.983
Hàng bán bị trả lại	407.714.000	208.000.000
Giảm giá hàng bán	2.026.269.670	1.118.825.010
	<b>14.191.856.967</b>	<b>8.118.017.993</b>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn Nguyên vật liệu đã bán	597.297.337.431	761.081.497.057
Giá vốn Thành phẩm đã bán	1.264.005.861.198	1.187.796.526.667
Giá vốn khác	3.121.616.016	80.368.995
	<b>1.864.424.814.645</b>	<b>1.948.958.392.719</b>
	<b>442.903.948.354</b>	<b>425.072.327.708</b>

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan  
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42.

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	21.937.688.077	8.112.705.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.782.015.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.714.731.217	1.911.565.769
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	59.162.212	323.053.044
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.466.097.115	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.918.196	17.236
	<b>35.966.611.817</b>	<b>10.347.341.149</b>
	<b>5.999.217.990</b>	<b>-</b>

Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan  
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42.

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	32.544.916.471	21.751.950.226
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.992.068.977	2.412.428.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	880.566.343	870.114.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	358.467.219	-
	<b>36.776.019.010</b>	<b>25.034.492.410</b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	470.628.078	790.977.942
Chi phí nhân công	4.199.326.558	5.840.839.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.920.240.670	51.718.222.965
Chi phí khác bằng tiền	12.571.649.696	14.363.392.236
	<b>50.161.845.002</b>	<b>72.713.432.368</b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.511.076	788.537.740
Chi phí nhân công	13.676.612.738	11.809.777.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.854.547.095	2.598.113.040
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi	(7.215.129.541)	4.093.174.474
Thuế, phí, lệ phí	657.094.495	1.570.980.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.826.558.308	10.820.587.767
Chi phí khác bằng tiền	12.455.300.174	4.545.250.335
	<b>36.473.494.345</b>	<b>36.226.421.289</b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	390.339.840	523.818.182
Thu nhập từ cho thuê kho, hạ tầng	827.090.908	951.363.636
Thu nhập từ phí sử dụng cảng	-	3.572.863.339
Thu nhập từ bán phế liệu, dụng cụ	2.296.173.773	589.271.985
Thu nhập từ phí ủy thác	548.956.419	685.999.937
Thu nhập từ nhập hàng thừa kiểm kê	253.885.019	-
Thu nhập khác	250.013.942	193.400.150
	<b>4.566.459.901</b>	<b>6.516.717.229</b>
	<b>-</b>	<b>2.547.990.685</b>

Trong đó: Thu nhập khác nhận từ các bên liên quan  
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42.

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi thu gom phế liệu	592.003.500	-
Chi phí hỗ trợ, ủng hộ	83.000.000	93.298.000
Các khoản bị phạt (*)	5.386.774.759	32.000.000
Chi phí khác	118.705.825	438.221.030
	<b>6.180.484.084</b>	<b>563.519.030</b>

(\*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39.

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	55.031.193.845	43.044.976.452
Các khoản điều chỉnh tăng	3.082.090.925	4.926.442.237
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	30.000.000	397.376.363
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	306.544.771	-
- Trích trước Chi phí chiết khấu, khuyến mãi trong kỳ	2.745.546.154	4.529.065.874
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.648.454.547)	(9.990.937.104)
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP còn được trừ của năm 2020 chuyển sang	(583.084.694)	(9.653.701.631)
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi đã trích/ hoàn nhập trong kỳ	(7.065.369.853)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(337.235.473)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	50.464.830.223	37.980.481.585
Thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.782.015.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.782.015.000)	-
Chuyển lỗ các năm trước	-	(1.204.325.882)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	45.682.815.223	36.776.155.703
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.136.563.045</b>	<b>7.355.231.141</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	219.965.073	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2.864.241.146	(1.619.110.475)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(16.094.303.727)	(2.871.879.520)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(3.873.534.463)</b>	<b>2.864.241.146</b>

### 34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	41.848.435	905.813.175
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>41.848.435</b>	<b>905.813.175</b>

#### b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	863.964.740	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(905.813.175)
	<b>863.964.740</b>	<b>(905.813.175)</b>

### 35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	45.030.666.060	36.595.558.486
Các khoản điều chỉnh	-	(3.986.555.849)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)</i>	-	(3.854.555.849)
- <i>Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)</i>	-	(132.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	45.030.666.060	32.609.002.637
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	47.897.333	47.897.333
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>940</b>	<b>681</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

(\*) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 13/NQ-DHDCD ngày 29/04/2022, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Năm 2021	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.595.558.486	36.595.558.486
Các khoản điều chỉnh	-	(3.986.555.849)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(3.854.555.849)
- <i>Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</i>	-	(132.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.595.558.486	32.609.002.637
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	47.897.333	47.897.333
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>764</b>	<b>681</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.078.234.478.600	965.049.416.069
Chi phí nhân công	122.718.978.563	83.519.383.437
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.585.078.970	26.912.132.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.793.961.402	101.563.809.823
Chi phí khác bằng tiền	70.486.409.802	62.164.820.409
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.215.129.541)	4.093.174.474
	<b>1.447.603.777.796</b>	<b>1.243.302.736.689</b>

### 37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị...

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.557.593.990	-	-	17.557.593.990
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.532.317.873	300.591.000	-	95.832.908.873
Các khoản cho vay	154.800.000.000	-	-	154.800.000.000
	<b>267.889.911.863</b>	<b>300.591.000</b>	<b>-</b>	<b>268.190.502.863</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.697.190.454	-	-	101.697.190.454
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.523.266.619	300.591.000	-	73.823.857.619
Các khoản cho vay	286.984.000.000	-	-	286.984.000.000
	<b>462.204.457.073</b>	<b>300.591.000</b>	<b>-</b>	<b>462.505.048.073</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	270.410.195.429	96.793.136	-	270.506.988.565
Phải trả người bán, phải trả khác	125.327.634.177	126.000.000	-	125.453.634.177
Chi phí phải trả	3.501.834.578	-	-	3.501.834.578
	<b>399.239.664.184</b>	<b>222.793.136</b>	<b>-</b>	<b>399.462.457.320</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	697.265.195.104	570.359.492	-	697.835.554.596
Phải trả người bán, phải trả khác	89.364.826.983	169.119.510	-	89.533.946.493
Chi phí phải trả	8.716.430.357	-	-	8.716.430.357
	<b>795.346.452.444</b>	<b>739.479.002</b>	<b>-</b>	<b>796.085.931.446</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	1.510.553.967.303	2.065.106.830.963
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.937.441.191.074	1.748.341.926.238
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	434.102.496	393.501.872

**39 . THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 02/03/2022, Công ty nhận được Thông báo số 67/TB07-CCT của Chi cục thuế Quận Bình Tân liên quan đến khoản truy thu tiền thuế đất cho giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 07/2019 tại khu đất diện tích 4.937,3 m<sup>2</sup> tại số 368 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân. Theo đó, số tiền thuế Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam còn nợ cho giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 07/2019 là 8.987.268.444 đồng.

Ngày 15/09/2022, Công ty đã gửi văn bản số 932/CV-PBMN đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh - Chi cục thuế Quận Bình Tân về việc đề nghị xem xét lại thông báo tiền thuế đất khu đất số 368 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân. Theo đó, Công ty đã đề nghị Chi cục thuế Quận Bình Tân tính lại tiền thuế đất theo đúng mục đích sử dụng đất quy định tại Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 25/10/2006.

Ngày 16/09/2022, Công ty tiếp tục nhận được Thông báo số 825432/TB-TB07-QTR của Chi cục thuế Quận Bình Tân liên quan đến khoản tiền thuế đất tại khu đất nêu trên, theo đó cơ quan thuế xác định tổng số tiền thuế đất phát sinh cho giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 07/2019 là 8.987.268.444 đồng và tiền chậm nộp phát sinh đến ngày 31/08/2022 là 3.420.118.900 đồng.

Theo Biên bản làm việc ngày 22/09/2022 giữa Công ty và Chi cục Thuế Quận Bình Tân, phía Công ty đã có ý kiến về việc số tiền thuế nêu trên được cơ quan thuế xác định chưa đúng mục đích sử dụng đất thuê từ năm 2011 đến ngày 23/07/2019 là đất thuê dịch vụ thay vì đất sản xuất kinh doanh theo khoản 1, điều 1 của Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 25/10/2006. Cũng trong buổi làm việc này, các bên đã thống nhất trong thời gian chờ phúc đáp của Sở Tài nguyên và Môi trường về mục đích sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Công ty sẽ tạm thực hiện nghĩa vụ tiền thuế theo mục đích sử dụng đất là đất cơ sở sản xuất kinh doanh theo khoản 1, điều 1 của Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 25/10/2006. Theo đó, số tiền phải nộp từ năm 2011 đến tháng 07/2019 là 6.604.971.821 đồng (trong đó, Công ty đã nộp 3.085.615.008 đồng tiền thuế đất cho giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2014 theo Biên bản kiểm toán năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước) và tiền chậm nộp phát sinh đến ngày 30/09/2022 là 1.510.714.101 đồng.

Ngày 30/09/2022, Công ty đã nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính (tạm nộp) tiền thuế đất còn phải nộp là 3.519.356.813 đồng và tiền chậm nộp phát sinh đến ngày 30/09/2022 là 1.510.714.101 đồng.

Liên quan đến khoản tiền thuế còn lại chưa thực hiện Thông báo số 825432/TB-TB07-QTR ngày 16/09/2022, Công ty vẫn đang chờ phản hồi giải quyết từ các cơ quan chức năng liên quan đến mục đích sử dụng đất thuê của Công ty. Công ty cam kết sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính ngay khi cơ quan thuế xác định lại tiền thuế đất đúng mục đích sử dụng đất theo khoản 1, điều 1 của Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 25/10/2006.

**40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>90.827.027.946</b>	<b>314.454.773.450</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	3.948.049.931	1.664.443.419
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	78.736.650.000	306.973.744.031
- Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	8.126.069.000	5.816.586.000
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	16.259.015	-
<b>Thu nhập khác từ cung cấp điện nước, chổ neo tàu</b>	<b>-</b>	<b>2.547.990.685</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	-	2.547.990.685
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>442.903.948.354</b>	<b>425.072.327.708</b>
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	84.672.767.721	82.704.122.327
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	154.772.500.000	116.501.830.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	16.000.000.000	27.546.993.000
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	5.376.226.455	910.687.250
- Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	4.765.352	3.000.000
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	50.003.881.226	147.158.546.994
- Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	92.381.000	63.366.500
- Công ty Cổ phần Bột giặt Net	14.526.600	12.181.637
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	123.578.400.000	50.161.600.000
- Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	8.358.500.000	-
- Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	30.000.000	10.000.000
<b>Doanh thu tài chính - Lãi bán hàng trả chậm</b>	<b>1.217.202.990</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	1.217.202.990	-
<b>Doanh thu tài chính - Cổ tức được chia</b>	<b>4.782.015.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	4.782.015.000	-
<b>Chia cổ tức</b>	<b>6.231.762.600</b>	<b>7.789.703.250</b>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	6.231.762.600	7.789.703.250

#### 41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán các sản phẩm phân bón, hóa chất. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày tại Thuyết minh số 24 và 26. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

	Doanh thu xuất khẩu VND	Doanh thu bán nội địa VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	397.411.549.637	1.611.103.229.576	2.008.514.779.213
Tổng chi phí mua tài sản cố định			15.866.227.310
Tài sản bộ phận	2.851.670.320	1.079.945.366.807	1.082.797.037.127
Tài sản không phân bổ			41.848.435

#### 42 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina (trước đây là: Công ty TNHH Hóa chất LG Vina)	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Supê Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ác quy Tia sáng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập và Thù lao của người quản lý chủ chốt</b>		
- Ông Nguyễn Văn Quý	72.000.000	72.000.000
- Ông Đặng Tấn Thành	596.580.659	534.750.438
- Ông Trịnh Quốc Hùng	486.191.988	-
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 30/12/2021)</i>	
- Ông Ngô Ngọc Quang	45.000.000	-
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 30/12/2021)</i>	
- Ông Hà Thái Sơn	25.000.000	-
	<i>(Bỏ nhiệm ngày 29/04/2022)</i>	
- Ông Lê Việt Hưng	35.000.000	297.592.620
	<i>(Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)</i>	
- Ông Trần Phi Hùng	15.000.000	57.000.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 30/12/2021)</i>	
- Ông Vũ Minh Tuấn	420.601.988	336.388.052
- Ông Trần Hữu Cường	15.000.000	389.909.333
	<i>(Miễn nhiệm ngày 30/12/2021)</i>	
- Ông Đỗ Văn Tuấn	405.125.848	337.095.804
- Ông Phạm Đức Hoài	369.616.326	310.824.788
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	36.000.000	36.000.000
- Bà Vũ Thị Diễm Hồng	182.659.357	157.397.265

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

#### 43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập  
  
Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng  
  
Đỗ Văn Tuấn

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023*  
Tổng Giám đốc  
  
Đặng Tấn Thành





## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC 



ĐẶNG TẤN THÀNH